



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

ĐẶC TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO **NGÀNH KINH TẾ**

Ngành : KINH TẾ

Trình độ : Đại học

Mã ngành : 7310101

Chuyên ngành :

Kinh tế phát triển (731010101)

Kinh tế và quản lý công (731010103)

Kinh tế đầu tư (731010104)

Kinh tế quốc tế (731010105)

Đà Nẵng, 2022

MỤC LỤC

Phần 1.	KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1.	Giới thiệu về chương trình đào tạo	1
1.2.	Thông tin chung về chương trình đào tạo	2
1.3.	Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế	3
1.4.	Sứ mệnh và viễn cảnh của Trường Đại học Kinh tế	3
Phần 2.	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
2.1.	Căn cứ pháp lý để xây dựng chương trình đào tạo	4
2.2.	Mục tiêu đào tạo	4
2.3.	Chuẩn đầu ra	5
2.4.	Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học	6
2.4.1.	Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học	6
2.4.2.	Đối sánh CDR của chương trình đào tạo với CDR theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học	7
2.5.	Cơ hội nghề nghiệp	7
2.6.	Chuẩn đầu vào	9
2.7.	Cách tính điểm: Theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành.	9
2.8.	Điều kiện tốt nghiệp	9
2.9.	Phương pháp dạy và học	10
2.9.1.	Phương pháp giảng dạy trực tiếp	10
2.9.2.	Phương pháp kỹ năng suy nghĩ	10
2.9.3.	Phương pháp dựa trên hoạt động	11
2.9.4.	Phương pháp hợp tác	11
2.9.5.	Phương pháp học tập độc lập	12
2.10.	Phương pháp đánh giá	13
2.11.	Khung chương trình đào tạo	15
2.11.1.	Cấu trúc chương trình	15
2.11.2.	Các học phần	17
2.12.	Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) và các học phần	1

2.13. Lộ trình đào tạo	7
2.14. Hoạt động ngoại khoá	11
2.14.1. Hoạt động ngoại khóa liên quan tới học phần	11
2.14.2. Các hoạt động ngoại khóa khác	11
2.15. Đối sánh với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước	11
2.16. Hướng dẫn thực hiện chương trình	18
2.16.1. <i>Hướng dẫn chung</i>	18
2.16.2. <i>Hướng dẫn về đảm bảo chất lượng</i>	19
Phần 3. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN	20

Phần 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Khoa Kinh tế có tiền thân là Bộ môn Kế hoạch hóa kinh tế quốc dân được thành lập năm 1975 trong Khoa Kinh tế Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng; Năm 1985 Bộ môn được tổ chức lại thành tổ bộ môn Kinh tế tổng hợp trong khoa Kinh tế Nghiệp vụ, thuộc Phân hiệu Đại học Kinh tế Đà Nẵng. Đến cuối năm 1995, Khoa Kinh tế được thành lập, là một khoa độc lập của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Đà Nẵng (nay là trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng). Từ năm 2000 đến nay, khoa Kinh tế là một trong 12 khoa của Trường Đại học Kinh Tế - Đại học Đà Nẵng. Hiện tại, khoa Kinh tế đang đảm nhiệm đào tạo cử nhân ngành Kinh tế gồm 4 chuyên ngành:

- Kinh tế phát triển
- Kinh tế và quản lý công
- Kinh tế đầu tư
- Kinh tế quốc tế

Chương trình đại học chuyên ngành Kinh tế phát triển được thành lập năm 1991 với mục đích trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng để phân tích, hoạch định, tổ chức, thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Chương trình đại học chuyên ngành Kinh tế và quản lý công được thành lập năm 2006 với mục đích trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng để hiểu và tham gia vào các hoạt động quản lý kinh tế trong khu vực công, đặc biệt liên quan đến các dự án chi tiêu và đầu tư công, quản lý và khai thác các công trình công cộng.

Chương trình đại học chuyên ngành Kinh tế đầu tư được thành lập năm 2011 với mục đích trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng để hiểu và tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển.

Chương trình đại học chuyên ngành Kinh tế quốc tế được thành lập năm 2021 với mục đích trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng để hiểu và tham gia vào hoạt động kinh tế quốc tế dưới góc độ quản lý nhà nước và phát triển doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Các chương trình đại học được áp dụng bằng hệ thống đào tạo tín chỉ với 134 tín chỉ, (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng) bao gồm các khối kiến thức đại cương, khối kiến thức ngành và khối kiến thức chuyên ngành.

Chương trình giảng dạy được thiết kế theo một lộ trình linh hoạt cho phép sinh viên tự lên kế hoạch học tập và hoàn thành chương trình từ 3,5 đến 6 năm.

Bằng Cử nhân về Kinh tế phát triển và Kinh tế và quản lý công tạo ra một nền tảng vững chắc để sinh viên có thể làm việc trong các tổ chức kinh tế - xã hội ở các cấp quốc gia, ngành, lĩnh vực, các vùng, các địa phương (tỉnh, huyện, xã), các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng về tin học, ngoại ngữ, có kiến thức và kỹ năng để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh tế hiện đại và khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời.

Bằng Cử nhân về Kinh tế đầu tư tạo ra một nền tảng vững chắc để sinh viên có thể làm việc trong các hoạt động chuyên về đầu tư phát triển; ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng về tin học, ngoại ngữ, giao tiếp để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường vĩ mô và vi mô đồng thời đảm bảo khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời.

Bằng Cử nhân về Kinh tế quốc tế tạo ra một nền tảng vững chắc để sinh viên có thể đảm nhiệm công việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế và hợp tác quốc tế tại các cơ quan quản lý nhà nước, ban ngành các cấp từ trung ương đến địa phương, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế có quan hệ kinh tế với nước ngoài, các công ty liên doanh, văn phòng đại diện của nước ngoài và các công ty nước ngoài; ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng về tin học, ngoại ngữ, giao tiếp để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường vĩ mô và vi mô đồng thời đảm bảo khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời.

Chúng tôi rất tự hào về kết quả học tập và các hoạt động ngoại khóa của sinh viên. Với những kiến thức chuyên môn tốt và kỹ năng cần thiết được trang bị trong quá trình học tập, rất nhiều sinh viên Khoa Kinh tế đã thành đạt trong công việc sau khi tốt nghiệp và có nhiều cơ hội học tập nâng cao trình độ ở các bậc sau đại học trong và ngoài nước.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành:	Kinh tế (Economics)
Mã ngành:	7310101
Chuyên ngành:	Kinh tế phát triển (731010101)
	Kinh tế và quản lý công (731010103)
	Kinh tế đầu tư (731010104)

Kinh tế quốc tế (731010105)

Trình độ đào tạo: Đại học

Bằng cấp: Cử nhân

Số tín chỉ: 134 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế

Chúng tôi tin tưởng rằng giáo dục đại học đóng vai trò then chốt trong “kiến tạo xã hội tương lai”. Chúng tôi theo đuổi tư tưởng giáo dục khai phóng, với tính nhân bản, tinh thần khoa học và sự chủ động học tập suốt đời của mỗi cá nhân, vì mục tiêu xây dựng một xã hội thịnh vượng và tiến bộ.

Ba trụ cột trong quan điểm giáo dục của chúng tôi là:

"Khai phóng - Tự thân - Hữu ích"

Giáo dục khai phóng: Chúng tôi tin tưởng rằng, sứ mệnh của giáo dục là khám phá và thúc đẩy các tiềm năng to lớn của con người trong tiến trình xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Giáo dục đại học đóng vai trò tổ chức, tạo lập điều kiện và thúc đẩy mỗi cá nhân tự khai mở các năng lực riêng biệt trong việc theo đuổi các giá trị sống tốt đẹp của chính mình, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Sự tự thân: Chúng tôi quan niệm rằng, hoạt động cốt lõi trong giáo dục đại học là sự tự rèn luyện của mỗi cá nhân. Phương châm giáo dục của chúng tôi là thúc đẩy mọi người không ngừng tự đào tạo, tự hoàn thiện và tự khẳng định mình.

Tính hữu ích: Chúng tôi xác định rằng, sự tích lũy tri thức và sáng tạo từ giáo dục đại học phải có giá trị thực tiễn và phục vụ cho tiến bộ xã hội. Chúng tôi đề cao tính hữu dụng và đạo đức trong nghiên cứu, đào tạo và hợp tác phát triển của mình

1.4. Sứ mệnh và viễn cảnh của Trường Đại học Kinh tế

Viễn cảnh

Khát vọng của chúng tôi là trở thành đại học nghiên cứu hàng đầu Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự thịnh vượng của cộng đồng ASEAN và tri thức nhân loại.

Sứ mệnh

Là một trường đại học định hướng nghiên cứu, chúng tôi tạo dựng môi trường học thuật tiên tiến nhằm thúc đẩy khám phá, ứng dụng, chuyển giao tri thức khoa học kinh tế và quản lý; đảm bảo nền tảng thành công và năng lực học tập suốt đời cho người học; nuôi dưỡng và phát triển tài năng; giải quyết các thách thức kinh tế - xã hội phục vụ sự phát triển thịnh vượng của cộng đồng.

Hệ thống giá trị

- Chính trực
- Sáng tạo
- Hợp tác
- Cảm thông
- Tôn trọng cá nhân

Phần 2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Căn cứ pháp lý để xây dựng chương trình đào tạo

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Quyết định số 1284/QĐ-ĐHKT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kinh tế;
- Quyết định số 244/QĐ-ĐHKT ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc Ban hành quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo.

2.2. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu đào tạo của Ngành Kinh tế là giúp người học trở thành các chuyên gia kinh tế và quản lý có những kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm phù hợp ở các chương trình đào tạo, trình độ đào tạo đại học, sau đại học; có năng lực tự học tập, nghiên cứu để đảm nhiệm các công việc với các vị trí việc làm khác nhau trong các tổ chức ở trung ương, địa phương và các tổ chức quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế phát triển có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi chính sách phát triển kinh tế - xã hội, công tác tổ chức và quản lý kinh tế - xã hội ở tầm quốc gia, địa phương, vùng, ngành và các tổ chức kinh tế - xã hội một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường quản lý và kinh doanh và có khả năng tự học tập suốt đời.

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác hoạch định và quyết định các chính sách kinh tế-xã hội, quản lý các chính sách phát triển, dự án đầu tư và chi tiêu công, cung cấp dịch vụ công, quản lý và khai thác các nguồn lực công, công trình công cộng một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường quản lý và kinh doanh và có khả năng tự học tập suốt đời.

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế đầu tư có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, công tác tổ chức và quản lý hoạt động đầu tư ở tầm quốc gia, địa phương, vùng, ngành và các tổ chức kinh tế - xã hội một cách độc lập có phẩm chất tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường quản lý và kinh doanh và có khả năng tự học tập suốt đời.

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế quốc tế có năng lực về chuyên môn nhằm thực hiện việc đánh giá, phân tích, tư vấn, hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách; giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế của các tổ chức kinh tế xã hội trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế; có phẩm chất tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường quản lý và kinh doanh.

2.3. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kinh tế có khả năng:

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	
PLO1	Áp dụng được các kiến thức nền tảng về kinh doanh, quản lý và pháp luật	
PLO2	Áp dụng được các kiến thức nền tảng về kinh tế thị trường trong môi trường toàn cầu hóa để giải quyết các vấn đề thực tiễn	
PLO3	Áp dụng được các phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế	
PLO4	PLO4.01	Phân tích và đánh giá được thực tiễn về huy động và phân bổ các nguồn lực cho phát triển kinh tế ở tầm vi mô và vĩ mô

	PLO4.03	Phân tích, đánh giá được thực tiễn huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực công trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội
	PLO4.04	Phân tích, đánh giá được thực tiễn hoạt động đầu tư ở tầm vĩ mô và vi mô
	PLO4.05	Phân tích, đánh giá được thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách và các vấn đề liên quan đến kinh tế quốc tế
PLO5	PLO5.01	Xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch và chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội
	PLO5.03	Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công, cung ứng hàng hóa và dịch vụ công
	PLO5.04	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách đầu tư, quản lý hoạt động đầu tư ở tầm vĩ mô và vi mô
	PLO5.05	Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch và chính sách kinh tế quốc tế
PLO6	Có năng lực thuyết trình, giao tiếp và làm việc nhóm	
PLO7	Có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong công việc	
PLO8	Có năng lực sử dụng các phần mềm CNTT chuyên dụng phục vụ cho công việc	
PLO9	Tuân thủ các chuẩn mực xã hội, đạo đức nghề nghiệp và thực thi trách nhiệm xã hội	

2.4. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học

2.4.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
- KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. - KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã	- KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. - KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. - KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp	- TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và

hội, khoa học chính trị và pháp luật. - KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. - KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. - KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. - KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. - KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. - KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	trách nhiệm đối với nhóm. - TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. - TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
--	---	--

2.4.2. Đối sánh CĐR của chương trình đào tạo với CĐR theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học

Bảng 1: Sự tương thích giữa CĐR của chương trình đào tạo với khung trình độ quốc gia Việt Nam

	K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K T 5	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	T C T N 1	T C T N 2	T C T N 3	T C T N 4
PL01		X			X										
PL02		X			X										
PL03	X	X		X	X										
PL04.01	X			X	X										
PL04.03	X	X		X	X										X
PL04.04	X	X		X	X										X
PL04.05	X	X		X	X										X
PL05.01	X			X	X			X							X
PL05.03	X	X		X	X										X
PL05.04	X	X		X	X										X
PL05.05	X	X		X	X										X
PL06						X	X	X	X	X		X	X		
PL07											X				
PL08			X												

- Mở ra nhiều cơ hội việc làm và thăng tiến trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong môi trường kinh doanh năng động và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) trong lĩnh vực kinh tế, quản lý và kinh doanh.

Sinh viên tốt nghiệp cử nhân **chuyên ngành Kinh tế đầu tư** có thể đáp ứng cho các vị trí việc làm tại các tổ chức, cơ quan và doanh nghiệp sau:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư từ Trung ương đến địa phương (Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài chính, Sở, ban ngành, Ủy ban Nhân dân...)

- Các tổ chức Kinh tế - Xã hội, Tổ chức phi Chính phủ

- Các dự án đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài

- Ban quản lý các khu kinh tế và khu công nghiệp

- Trung tâm xúc tiến đầu tư, tư vấn đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho các địa phương

- Các tổ chức tài chính: Ngân hàng, công ty tài chính, quỹ đầu tư, quỹ tín dụng, trung tâm giao dịch - đấu giá tài sản, công ty bảo hiểm,...

- Phòng hoặc Ban đầu tư tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế

- Các viện nghiên cứu; Trường Đại học - Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp **chuyên ngành Kinh tế quốc tế** có thể đảm nhiệm công việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế và hợp tác quốc tế tại các đơn vị:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, ban ngành các cấp từ trung ương đến địa phương (Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch & Đầu tư; Ủy ban quốc gia về Hợp tác Kinh tế quốc tế, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Công thương, Cục xúc tiến thương mại...), Các cơ quan đại diện thương mại, đầu tư, tài chính của Việt Nam ở nước ngoài.

- Các tổ chức quốc tế (ILO, UNCTAD, ADB, IMF, World Bank, NGOs...), tổ chức xã hội, phi lợi nhuận liên quan đến công việc hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch và quản lý hoạt động kinh tế quốc tế;

- Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của Việt Nam có quan hệ kinh tế với nước ngoài, các công ty liên doanh, văn phòng đại diện của nước ngoài và các công ty nước ngoài tại Việt Nam;

- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và các cơ sở nghiên cứu. Có thể tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia hoặc nhà quản lý trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

2.6. Chuẩn đầu vào

Người học phải:

- Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương;
- Đáp ứng các tiêu chí khác theo Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế.

2.7. Cách tính điểm: Theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành.

2.8. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo (bao gồm chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh, chứng chỉ tin học, hoàn thành học phần giáo dục thể chất);
- Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Điều kiện tốt nghiệp có thể được cập nhật theo Quy chế đào tạo hiện hành.

2.9. Phương pháp dạy và học

2.9.1. Phương pháp giảng dạy trực tiếp

Đối với chiến lược giảng dạy trực tiếp, thông tin được truyền đạt đến sinh viên theo cách trực tiếp: giáo viên giảng bài và sinh viên lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và đặc biệt hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho sinh viên những kiến thức cơ bản hoặc giải thích một kỹ năng mới.

Chiến lược giảng dạy trực tiếp được áp dụng đối với chương trình Kinh tế phát triển bao gồm: giảng dạy tiềm ẩn, bài giảng và diễn giả (được mời).

- *Giải thích cụ thể - Explicit Teaching (TLM1)*: với phương pháp này, giảng viên sẽ hướng dẫn và giải thích các khía cạnh của nội dung bài học, giúp sinh viên đạt được các kiến thức và kỹ năng.

- *Thuyết giảng- Lecture (TLM2)*: Giảng viên trình bày và giải thích nội dung bài giảng. Người dạy sẽ trình bày các chi tiết của bài giảng và sinh viên có trách nhiệm nghe và ghi lại các điều cần thiết để đạt được kiến thức.

- *Tham luận - Guest lecture (TLM3)*: Với phương pháp này, sinh viên được tham gia cùng với người trình bày, diễn giả không phải là giảng viên. Họ là các chuyên gia đến từ các cơ quan quản lý Nhà Nước, các Sở - Ban Ngành, các viện nghiên cứu, hoặc các tổ chức kinh tế. Qua các trao đổi về những kiến thức và các trải nghiệm của diễn giả, sinh viên có thể biết được các kiến thức chung và chuyên biệt của các ngành đào tạo. Phương pháp này được sử dụng cho một nhóm các học phần của chuyên ngành và được thực hiện gắn với hoạt động ngoại khóa của chương trình đào tạo.

2.9.2. Phương pháp kỹ năng suy nghĩ

Chiến lược kỹ năng suy nghĩ phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành kỹ năng phản xạ trong phương pháp học tập của sinh viên. Những chiến lược này được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo, độc lập; bao gồm: giải quyết vấn đề, động não và nghiên cứu trường hợp cụ thể.

- *Giải quyết vấn đề - Problem Solving (TLM4)*: Trong quá trình học, sinh viên phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các vướng mắc giữa tình hình hiện tại và mục tiêu mong muốn, qua đó, học được các kiến thức mới trong khi đối mặt và giải quyết vấn đề.

- *Tập kích não - Brainstorming (TLM5)*: Trong quá trình làm việc nhóm, sinh viên được yêu cầu sử dụng phương pháp này để tạo ra các câu hỏi, ý tưởng và ví dụ; được dùng để minh họa, mở rộng và đào sâu vào ý tưởng chính hoặc chủ đề. Mỗi thành viên của nhóm được khuyến khích đóng góp ý kiến mà không cần quan tâm tới tính khả thi. Phương pháp này tạo nên sự linh hoạt suy nghĩ của sinh viên và giúp tăng khả năng tìm kiếm và mở rộng vấn đề. Nó được dùng trong các học phần nhằm phát triển cách suy nghĩ sáng tạo, tìm kiếm ý tưởng và phương pháp giải quyết vấn đề.

- *Học theo tình huống- Case Study (TLM6)*: Đây là một phương pháp dạy lấy tâm điểm là sinh viên, giúp sinh viên tạo ra lối tư duy sâu và cộng đồng để trao đổi. Với phương pháp này, giảng viên sẽ đưa ra các nhiệm vụ và các mốc thời gian tùy theo từng tình huống, vấn đề và thách thức gặp phải. Việc yêu cầu sinh viên xác định và phân tích vấn đề sẽ giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng học tập.

2.9.3. Phương pháp dựa trên hoạt động

Chiến lược này khuyến khích sinh viên học tập thông qua các hoạt động thực tế. Những hoạt động này cũng cấp cho sinh viên cơ hội trải nghiệm thực tế, điều này

sẽ thúc đẩy người học thực hiện các khám phá, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và tự mình tương tác với người khác.

- *Đóng vai - Role play (TLM7)*: Phương pháp mà sinh viên giả định các vai diễn khác nhau trong một tình huống và tương tác (diễn) với người khác.

- *Trò chơi - Game (TLM8)*: Các trò chơi được xem như là hoạt động tương tác, có thể tạo ra sự hỗ trợ qua lại giữa giảng viên – sinh viên hoặc các thành viên trong lớp, giúp hệ thống hóa kiến thức đồng thời tăng cường sự tự tin của sinh viên. Trò chơi có thể được giảng viên đưa ra để mở đầu hoặc kết thúc bài học. Trò chơi cũng có thể được nhóm sinh viên đưa ra từ sự khuyến khích của giảng viên trong quá trình làm việc nhóm để mở đầu hoặc kết thúc bài thuyết trình của nhóm.

- *Đi thực tế - Field Trip (TLM9)*: Sinh viên được tham quan, khảo sát tại một số các cơ quan quản lý nhà nước, các sở ban ngành các cấp hoặc các tổ chức kinh tế - xã hội ở địa để giúp sinh viên trải nghiệm môi trường làm việc thực tế của chuyên ngành kinh tế phát triển, cung cấp các cơ hội khám phá và học hỏi chuyên môn trong công việc, xây dựng các kỹ năng nơi làm việc dần hoàn thiện các kỹ năng cần thiết cho quá trình làm việc về sau. Phương pháp này được sử dụng cho một nhóm các học phần của chuyên ngành và được thực hiện gắn với hoạt động ngoại khóa của chương trình đào tạo.

- *Tranh luận - Debates (TLM10)*: Đây là chiến lược mà giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan tới bài học và sinh viên, với những ý kiến khác nhau, cố thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. Qua tranh luận, sinh viên đạt được những kỹ năng hữu ích như tư duy sâu, đàm phán, ra quyết định, và nói trước đám đông.

2.9.4. Phương pháp hợp tác

Chiến lược hợp tác giúp sinh viên trở nên năng động, có trách nhiệm và chu đáo, nhờ vào sự tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm. Bên cạnh đó, sinh viên có thể thực hành các kỹ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề. Chiến lược này tập trung vào các làm cho sinh viên tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế.

- *Thảo luận – Discussion (TLM11)*: Một chiến lược mà sinh viên được chia thành các nhóm và đưa ý kiến về vấn đề giảng viên đã đưa ra từ trước. Chiến lược này giúp cho sinh viên phân tích các định nghĩa, ý tưởng, dữ liệu về chủ đề và bàn luận với thầy/cô, qua đó có thể liên kết các ý tưởng và làm rõ vấn đề.

- *Học nhóm - Teamwork Learning (TLM12)*: Sinh viên được chia thành những nhóm nhỏ để giải quyết vấn đề được cho, và trình bày kết quả bằng báo cáo hoặc

thuyết trình. Trong chương trình học, sinh viên được cung cấp kiến thức căn bản và kỹ năng làm việc nhóm từ năm nhất. Tiếp đó, họ sẽ luyện tập phương pháp này trong những học phần ở các cấp độ khác nhau.

- *Câu hỏi gợi mở - Inquiry (TLM13)*: Giảng viên sử dụng các câu hỏi hoặc vấn đề mở và hướng dẫn sinh viên/nhóm sinh viên trả lời từng bước một. Chiến lược hợp tác giúp sinh viên trở nên năng động, có trách nhiệm và chu đáo, nhờ vào sự tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm. Bên cạnh đó, sinh viên có thể thực hành các kỹ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề. Chiến lược này tập trung vào các làm cho sinh viên tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế.

2.9.5. Phương pháp học tập độc lập

- *Dự án nghiên cứu - Research Project (TLM14)*: Phương pháp này cho sinh viên khả năng lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp về một chủ đề một cách độc lập và còn hơn cả thế, dưới sự hướng dẫn của đội ngũ trong Khoa. Nó cũng tăng cường động lực học tập và tính chủ động học tập vì sinh viên được quyền lựa chọn điều gì mà họ muốn trình bày. Khoa và DUE có thư viện với lượng sách dồi dào và cập nhật là tài nguyên hỗ trợ hữu ích cho việc tự học của sinh viên.

- *Học trực tuyến (TLM15)*: Giảng viên và sinh viên dùng các công cụ trực tuyến hỗ trợ quá trình dạy và học.

- *Bài tập - Work Assignment (TLM16)*: Sinh viên được yêu cầu phải hoàn thành các bài tập của giảng viên tại nhà. Qua quá trình này, sinh viên sẽ học được cách tự học, cũng như đạt được các kiến thức và kỹ năng.

- *Khác (TLM17)*: Các phương pháp khác.

Bảng 2: Sự tương thích giữa phương pháp dạy và học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	T L M 1	T L M 2	T L M 3	T L M 4	T L M 5	T L M 6	T L M 7	T L M 8	T L M 9	T L M 10	T L M 11	T L M 12	T L M 13	T L M 14	T L M 15	T L M 16	T L M 17
PLO1	X	X	X	X		X				X	X		X			X	
PLO2	X	X	X	X		X				X	X		X		X	X	
PLO3	X	X		X		X					X	X		X	X	X	

PLO4.01				X	X	X				X	X	X	X			X	
PLO4.03				X	X	X				X	X	X	X			X	
PLO4.04				X	X	X				X	X	X	X			X	
PLO4.05				X	X	X				X	X	X	X			X	
PLO5.01				X	X	X				X	X	X	X			X	
PLO5.03				X	X	X				X	X	X	X			X	
PLO5.04				X	X	X				X	X	X	X			X	
PLO5.05				X	X	X				X	X	X	X			X	
PLO6	X	X		X	X	X		X			X	X	X	X	X		
PLO7	X	X		X	X	X	X	X			X	X	X	X	X		
PLO8	X	X		X				X			X	X	X	X	X		
PLO9	X	X		X				X			X	X	X	X	X		

2.10. Phương pháp đánh giá

Đánh giá là quá trình ghi lại, lưu trữ và cung cấp thông tin về quá trình học tập của sinh viên. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục. Các phương pháp đánh giá được nêu rõ trong chương trình đào tạo này gắn với đề cương chi tiết từng học phần cấu thành nên chương trình đào tạo. Yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho sinh viên vào buổi học đầu tiên.

Sau đây là những phương pháp đánh giá được áp dụng trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế:

- *Đánh giá chuyên cần - Attendance Check (AM1)*

Cùng với tự học, việc có mặt thường xuyên của sinh viên và những đóng góp từ sinh viên trong suốt môn học cũng thể hiện thái độ của họ tới môn học đó.

- *Đánh giá bài tập - Work Assignment (AM2)*

Sinh viên được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được hoàn thành bởi cá nhân hoặc nhóm và được cho điểm dựa theo những tiêu chí đã thông báo từ trước.

- *Thuyết trình - Oral Presentation (AM3)*

Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan tới hoạt động thuyết trình trong giờ học hoặc sau giờ lên lớp. Các hoạt động này được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể (rubrics).

- *Đánh giá hoạt động - Performance test (AM4)*

Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số thao tác cụ thể, kỹ thuật theo yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của môn học.

- *Nhật ký thực tập - Journal and blogs (AM5)*

Sinh viên viết nhật ký thực tập trong suốt quá trình thực hành để phản ánh hiệu suất và kinh nghiệm trong trải nghiệm học tập. Đây là phương pháp chính để đánh giá sinh viên trong khoá thực tập.

- *Thi viết tự luận - Essay (AM6)*

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của khoá học.

- *Kiểm tra trắc nghiệm - Multiple choice exam (AM7)*

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, tuy nhiên điểm khác biệt là sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

- *Bảo vệ và thi vấn đáp - Oral Exam (AM8)*

Sinh viên được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số học phần để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức và kỹ năng thuyết trình. Tất cả các học phần áp dụng kiểm tra vấn đáp đều có tiêu chuẩn đánh giá (rubrics) và được công bố.

- *Viết báo cáo - Written Report (AM9)*

Sinh viên được đánh giá thông qua các báo cáo, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, hình vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

- *Thuyết trình cá nhân - Oral Presentation (AM10)*

Phương pháp đánh giá này rất giống với phương pháp thuyết trình song là đánh giá tổng kết (summative), được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ hoặc sau khoá học).

- *Đánh giá làm việc nhóm - Teamwork (AM11)*

Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Phiếu đánh giá nhóm và tiêu chí đánh giá được công bố rõ.

- *Báo cáo khoá luận - Graduation Thesis/ Report (AM12)*

Trong phương pháp này, sinh viên được đánh giá thông qua bài báo cáo trước Hội đồng đánh giá được nhà trường ra quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất

của Khoa. Sinh viên thuyết trình báo cáo khóa luận của mình trước Hội đồng, giáo viên phản biện và các thành viên Hội đồng nhận xét và nêu ra các câu hỏi. Sinh viên trả lời trực tiếp câu hỏi tại buổi bảo vệ khóa luận. Phương pháp này được sử dụng trong kỳ thực tập để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với những bạn đủ điều kiện bảo vệ khóa luận theo quy định. Hội đồng đánh giá sẽ cho điểm theo Rubric được cung cấp bởi Khoa/Bộ môn. Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình của các thành viên Hội đồng, được Hội đồng quyết định.

Bảng 3: Sự tương thích giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	A M 1	A M 2	A M 3	A M 4	A M 5	A M 6	A M 7	A M 8	A M 9	A M 10	A M 11	A M 12
PLO1	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
PLO2	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
PLO3	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
PLO4.01	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
PLO4.03	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
PLO4.04	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
PLO4.05	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
PLO5.01	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
PLO5.03	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
PLO5.04	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
PLO5.05	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
PLO6	X		X	X							X	
PLO7	X	X	X				X			X	X	
PLO8	X	X	X	X		X	X					
PLO9	X	X		X							X	

2.11. Khung chương trình đào tạo

2.11.1. Cấu trúc chương trình

Bảng 4: Các khối kiến thức và tín chỉ

T T	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Trong đó:	
			Bắt buộc	Tự chọn
Chuyên ngành Kinh tế phát triển, Kinh tế và quản lý công, Kinh tế đầu tư				
1	Khối kiến thức đại cương	46	46	-
2	Khối kiến thức khối ngành	30	30	-
3	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	58	45	13
3.1	Khối kiến thức chung của ngành	21	15	6
3.2	Khối kiến thức chuyên ngành	27	20	7
3.3	Thực tập cuối khóa	10		10
Tổng		134	121	13
Chuyên ngành Kinh tế quốc tế				
1	Khối kiến thức đại cương	46	46	-
2	Khối kiến thức khối ngành		30	30
3	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	58	45	13
3.1	Khối kiến thức chung của ngành	21	15	6
3.2	Khối kiến thức chuyên ngành	27	21	6
3.3	Thực tập cuối khóa	10		10
Tổng		134	122	12

Khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng chung cơ bản, không chỉ tạo nên nền móng cho các môn học sau này trong chương trình nhưng cũng hỗ trợ sinh viên trong việc học sau tốt nghiệp.

Khối kiến thức chung của khối ngành giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng chung cơ bản của khối ngành kinh tế và kinh doanh, là tiền đề cho các học phần của ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo về sau.

Khối kiến thức ngành giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng liên quan đến hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế, bởi vì nguồn nhân sự, những người làm việc trong những cơ quan quản lý, tổ chức và công ty chắc chắn cần được trang bị những kiến thức, kỹ năng và thái độ để làm việc trong một môi trường toàn cầu hóa.

Khối kiến thức chuyên ngành hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực chuyên nghiệp (tập trung hơn vào tư duy bậc cao) trong lĩnh vực kinh tế phát triển (đối với chuyên ngành Kinh tế phát triển), trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công, cung ứng hàng hóa và dịch vụ công (đối với chuyên ngành Kinh tế và quản lý công), trong kinh tế đầu tư (đối với chuyên ngành Kinh tế đầu tư), trong lĩnh vực kinh tế và hợp tác quốc tế (đối với chuyên ngành Kinh tế quốc tế), cả về lý thuyết lẫn thực tiễn.

2.11.2. Các học phần

Bảng 5: Các học phần và số tín chỉ

T T	Mã học phần	Học phần	Phân bổ thời gian			Tín ch ỉ
			Lý thuyế t	Thực hành	Tổng	
A. Khối kiến thức đại cương						
1.	SMT1005	Triết học Mác-Lênin	34	11	45	3
2.	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	25	5	30	2
3.	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	24	6	30	2
4.	SMT1008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	24	6	30	2
5.	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	24	6	30	2
6.	LAW1001	Pháp luật đại cương	21	9	30	2
7.	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	30	15	45	3
8.	MIS1002	Tin học ứng dụng trong quản lý	16	29	45	3
9.	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	45		45	3
10	MGT1001	Kinh tế vi mô	36	9	45	3
11	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	35	10	45	3
12	MGT1002	Quản trị học	30	15	45	3
13	ENGELE1	English Elementary 1		45	45	3

14	ENGELE2	English Elementary 2		60	60	4
15	ENG2015	English Communication 1	19	26	45	3
16	ENG2016	English Communication 2	19	26	45	3
17	ENG2017	English Composition B1	21	9	30	2
		Tổng				46
		Giáo dục thể chất				
		Giáo dục Quốc phòng				
B. Khối kiến thức khối ngành						
18	SMT2001	Lịch sử các học thuyết kinh tế	45	0	45	3
19	ACC1002	Nhập môn kế toán	30	15	45	3
20	ECO2002	Kinh tế phát triển	30	15	45	3
21	IBS2002	Kinh tế quốc tế	40	5	45	3
22	ECO2004	Kinh tế công	33	12	45	3
23	BAN2001	Tài chính công	30	15	45	3
24	ECO2003	Kinh tế môi trường	35	10	45	3
25	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	33	12	45	3
26	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	30	15	45	3
27	ENG3005	Tiếng Anh kinh tế	35	10	45	3
		Tổng				30
C. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành						
<i>C1. Học phần chung của ngành: 21 tín chỉ gồm 15 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ tự chọn</i>						
• Các học phần bắt buộc						
28	ECO3001	Kinh tế vĩ mô nâng cao	30	15	45	3
29	ECO3002	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	31	14	45	3

30	ECO3003	Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược	35	10	45	3
31	MGT2001	Kinh tế vi mô nâng cao	24	21	45	3
32	STA3001	Kinh tế lượng	30	15	45	3
		Tổng				15
• <i>Học phần tự chọn</i> <i>Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>						
Chuyên ngành Kinh tế phát triển						
33	ECO3021	Dân số và phát triển	21	14	30	2
34	ECO3015	Kinh tế đầu tư	30	15	45	3
35	STA3013	Phân tích và trực quan dữ liệu	30	15	45	3
36	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế	30	15	45	3
37	BAN3020	Tài chính phát triển	30	15	45	3
Chuyên ngành Kinh tế và quản lý công						
33	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế	31	14	45	3
34	ECO3029	Kinh tế số	30	15	45	3
35	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển	30	15	45	3
36	STA3013	Phân tích và trực quan dữ liệu	30	15	45	3
37	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	30	15	45	3
Chuyên ngành Kinh tế đầu tư						
33	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế	31	14	45	3

34 .	ECO3029	Kinh tế số	30	15	45	3
35 .	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển	30	15	45	3
36 .	STA3013	Phân tích và trực quan dữ liệu	30	15	45	3
37 .	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	30	15	45	3
Chuyên ngành Kinh tế quốc tế						
33 .	ECO3029	Kinh tế số	30	15	45	3
34 .	ECO3037	Kinh tế khu vực	30	15	45	3
35 .	COM3001	Thương mại điện tử	27	18	45	3
36 .	IBS3007	Quản trị đa văn hóa	30	15	45	3
37 .	MGT3002	Quản trị chuỗi cung ứng	29	16	45	3
<i>C.2 Học phần chuyên ngành: 27 tín chỉ gồm 20 hoặc 21 tín chỉ bắt buộc và 7 hoặc 6 tín chỉ tự chọn</i> <i>C.2.1. Chuyên ngành Kinh tế phát triển</i> <i>Học phần bắt buộc</i>						
38 .	ECO3006	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội	21	9	30	2
39 .	ECO3007	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	30	15	45	3
40 .	ECO3004	Kinh tế phát triển nâng cao	30	15	45	3
41 .	ECO3020	Kinh tế vùng	35	10	45	3
42 .	ECO3035	Kinh tế nguồn nhân lực	26	19	45	3

43	ECO3029	Kinh tế số	35	10	45	3
44	ECO3005	Phân tích kinh tế - xã hội	27	18	45	3
		Tổng				20
Học phần tự chọn Chọn ít nhất 7 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:						
45	MIS3024	Chính phủ điện tử	20	10	30	2
46	ECO3028	Chính sách công	30	15	45	3
47	ECO3007	Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội	30	15	45	3
48	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển	30	15	45	3
49	STA3002	Hệ thống tài khoản quốc gia	38	7	45	3
50	ECO3022	Phát triển nông thôn	30	15	45	3
51	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	17	13	30	2
52	ECO3026	Quản lý công	30	15	45	3
C.2.2. Chuyên ngành Kinh tế và quản lý công Học phần bắt buộc						
38	LAW2007	Luật hành chính	25	20	45	3
39	ECO3004	Kinh tế phát triển nâng cao	30	15	45	3
40	ECO3005	Phân tích kinh tế - xã hội	27	18	45	3
41	ECO3028	Chính sách công	30	15	45	3

42 .	ECO3014	Kinh tế công nghệ cao	30	15	4 5	3
43 .	ECO3026	Quản lý công	30	15	4 5	3
44 .	MIS3024	Chính phủ điện tử	20	10	3 0	2
		Tổng				20
• Học phần tự chọn Chọn ít nhất 7 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:						
45 .	ECO3035	Kinh tế nguồn nhân lực	26	19	4 5	3
46 .	ECO3016	Thẩm định dự án đầu tư	30	15	4 5	3
47 .	ECO3020	Kinh tế vùng	35	10	4 5	3
48 .	BAN3020	Tài chính phát triển	29	16	4 5	3
49 .	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	15	15	3 0	2
50 .	SMT3027	Hành chính công	24	21	4 5	3
51 .	ECO3021	Dân số và phát triển	20	10	3 0	2
52 .	MKT3030	Marketing công cộng	30	15	4 5	3
53 .	SMT3024	Quan hệ công chúng	26	19	4 5	3
C.2.2. Chuyên ngành Kinh tế đầu tư Học phần bắt buộc						
38 .	ECO3015	Kinh tế đầu tư	30	15	4 5	3
39 .	ECO3016	Thẩm định dự án đầu tư	30	15	4 5	3

40	ECO3017	Lập dự án đầu tư	30	15	4 5	3
41	ECO3018	Kỹ năng xúc tiến đầu tư	30	15	4 5	3
42	FIN3002	Đầu tư tài chính	30	15	4 5	3
43	MGT3004	Quản trị dự án	30	15	4 5	3
44	ECO3027	Đề án môn học Kinh tế đầu tư			3 0	2
		Tổng				20
• Học phần tự chọn Chọn ít nhất 7 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:						
45	LAW3012	Luật đầu tư	22	8	3 0	2
46	ECO3008	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	30	15	4 5	3
47	ECO3020	Kinh tế vùng	30	15	4 5	3
48	ECO3021	Dân số và phát triển	20	10	3 0	2
49	ECO3007	Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội	30	15	4 5	3
50	ECO3022	Phát triển nông thôn	30	15	4 5	3
51	FIN3006	Quản trị tài chính	30	15	4 5	3
52	BAN3020	Tài chính phát triển	30	15	4 5	3
53	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	22	8	3 0	2
C.2.2. Chuyên ngành Kinh tế quốc tế Học phần bắt buộc						

38 .	ECO3030	Hội nhập kinh tế quốc tế	29	16	4 5	3
39 .	ECO3031	Kinh tế quốc tế nâng cao	30	15	4 5	3
40 .	ECO3032	Chính sách kinh tế quốc tế	25	20	4 5	3
41 .	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển	30	15	4 5	3
42 .	FIN3001	Tài chính quốc tế	22	23	4 5	3
43 .	ECO3034	Đàm phán kinh tế quốc tế	31	14	4 5	3
44 .	LAW3059	Luật kinh tế quốc tế	30	15	4 5	3
		Tổng				21
● Học phần tự chọn Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:						
45 .	ECO3036	Quản lý nợ nước ngoài	30	15	4 5	3
46 .	ECO3038	Chính sách quản lý công ty đa quốc gia	30	15	4 5	3
47 .	ECO3035	Kinh tế nguồn nhân lực	26	19	4 5	3
48 .	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	30	15	4 5	3
49 .	BAN3006	Thanh toán quốc tế	30	15	4 5	3
50 .	IBS3002	Logistics và thương mại quốc tế	24	21	4 5	3
51 .	LAW3001	Luật thương mại quốc tế	33	12	4 5	3

52	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	15	15	3 0	2
D. Thực tập tốt nghiệp cuối khóa Sinh viên lựa chọn đăng ký Khóa luận tốt nghiệp hoặc Báo cáo thực tập tốt nghiệp với các điều kiện được quy định theo Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành						
		Hình thức 1				
53	ECO4001, ECO4005, ECO4007, ECO4009	Báo cáo thực tập tốt nghiệp				4
		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn				6
		Hình thức 2				
54	ECO4002, ECO4006, ECO4008 ECO4010	Khóa luận tốt nghiệp (*)				10

2.12. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) và các học phần

Bảng 6: Sự tương thích giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) và các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3		PLO4				PLO5					PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
						PLO 4.0.1	PLO 4.0.3	PLO 4.0.4	PLO 4.0.5	PLO 5.0.1	PLO 5.0.3	PLO 5.0.4	PLO 5.0.5						
Khối kiến thức đại cương																			
1	SMT1005	Triết học Mác-Lênin	X									X						X	
2	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	X									X		X				X	
3	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X									X		X				X	
4	SMT1008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X									X		X				X	
5	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X									X		X				X	
6	LAW1001	Pháp luật đại cương	X									X		X				X	
7	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	X									X		X				X	
8	MIS1002	Tin học ứng dụng trong quản lý												X			X		
9	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	X																
10	MGT1001	Kinh tế vi mô	X																

11	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	X													
12	MGT1002	Quản trị học	X													
13	ENGELE1	English Elementary 1												X		
14	ENGELE2	English Elementary 2												X		
15	ENG2015	English Communication 1												X		
16	ENG2016	English Communication 2												X		
17	ENG2017	English Composition B1												X		
Khối kiến thức khối ngành																
18	SMT2001	Lịch sử các học thuyết kinh tế	X										X			X
19	ACC1002	Nhập môn kế toán	X										X			X
20	ECO2002	Kinh tế phát triển	X	X									X			X
21	IBS2002	Kinh tế quốc tế	X	X									X	X		X
22	ECO2004	Kinh tế công	X	X									X			X
23	BAN2001	Tài chính công	X	X									X			X
24	ECO2003	Kinh tế môi trường	X	X									X			X
25	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	X	X	X								X		X	X
26	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	X	X	X								X			X
27	ENG3005	Tiếng Anh kinh tế	X										X	X		
Khối kiến thức ngành																
28	ECO3001	Kinh tế vĩ mô nâng cao		X	X								X		X	X
29	ECO3002	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội		X	X								X		X	X

30	ECO3003	Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược		X	X									X		X	
31	MGT2001	Kinh tế vi mô nâng cao		X	X									X		X	
32	STA3001	Kinh tế lượng	X											X		X	
Chuyên ngành Kinh tế phát triển																	
33	ECO3021	Dân số và phát triển		X	X									X		X	
34	ECO3015	Kinh tế đầu tư		X	X									X		X	
35	STA3013	Phân tích và trực quan dữ liệu		X	X									X		X	
36	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế		X	X									X		X	
37	BAN3020	Tài chính và phát triển	X	X	X									X		X	
Chuyên ngành Kinh tế và quản lý công																	
33	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế	X	X										X		X	X
34	ECO3029	Kinh tế số	X	X	X									X	X	X	X
35	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển	X	X	X		X							X	X		X
36	STA3013	Phân tích và trực quan dữ liệu	X	X	X		X							X		X	
37	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	X	X	X									X	X		X
Chuyên ngành Kinh tế đầu tư																	
33	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế	X	X													
34	ECO3029	Kinh tế số		X	X												

35	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển	X														
36	STA3013	Phân tích và trực quan dữ liệu	X	X	X			X									
37	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	X	X	X												
Chuyên ngành Kinh tế quốc tế																	
33	ECO3029	Kinh tế số		X	X									X		X	
34	ECO3037	Kinh tế khu vực		X										X			X
35	COM300 1	Thương mại điện tử		X										X	X	X	
36	IBS3007	Quản trị đa văn hóa		X										X			X
37	MGT300 2	Quản trị chuỗi cung ứng		X										X			X
Khối kiến thức chuyên ngành																	
Chuyên ngành Kinh tế phát triển																	
38	ECO3039	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội		X	X	X				X				X		X	X
39	ECO3008	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội		X	X	X				X				X		X	X
40	ECO3004	Kinh tế phát triển nâng cao		X	X	X				X				X		X	X
41	ECO3020	Kinh tế vùng		X	X	X				X				X		X	X
42	ECO3009	Kinh tế nguồn nhân lực		X	X	X				X				X		X	X
43	ECO3029	Kinh tế số		X	X	X				X				X		X	X
44	ECO3005	Phân tích kinh tế - xã hội		X	X	X				X				X		X	X
45	MIS3024	Chính phủ điện tử	X	X										X		X	X

46	ECO3028	Chính sách công		X	X	X				X				X		X	X
47	ECO3007	Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội		X	X	X				X				X		X	X
48	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển	X	X	X	X				X				X		X	X
49	STA3002	Hệ thống tài khoản quốc gia	X	X										X		X	X
50	ECO3022	Phát triển nông thôn		X	X	X				X				X		X	X
51	RMD300 1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X	X									X		X	X
52	ECO3026	Quản lý công		X	X	X				X				X		X	X
Chuyên ngành Kinh tế và quản lý công																	
38	LAW200 7	Luật hành chính	X		X						X			X			X
39	ECO3004	Kinh tế phát triển nâng cao	X	X	X		X							X			X
40	ECO3005	Phân tích kinh tế - xã hội	X	X	X		X							X			X
41	ECO3028	Chính sách công	X	X	X		X				X			X			X
42	ECO3014	Kinh tế công nâng cao	X	X	X		X							X			X
43	ECO3026	Quản lý công	X	X	X		X				X			X			X
44	MIS3024	Chính phủ điện tử	X	X	X									X		X	X
45	ECO3035	Kinh tế nguồn nhân lực	X	X	X									X			X
46	ECO3016	Thẩm định dự án đầu tư	X	X	X		X							X			X
47	ECO3020	Kinh tế vùng	X	X	X		X							X			X
48	BAN3020	Tài chính phát triển	X	X	X									X			X
49	RMD300 1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X	X		X				X			X	X	X	X

50	SMT3027	Hành chính công	X	X									X			X
51	ECO3021	Dân số và phát triển	X	X	X								X			X
52	MKT3030	Marketing công cộng	X	X	X								X			X
53	SMT3024	Quan hệ công chúng và giao tiếp công vụ	X		X								X			X
Chuyên ngành Kinh tế đầu tư																
38	ECO3015	Kinh tế đầu tư	X	X	X			X				X		X		X
39	ECO3016	Thẩm định dự án đầu tư	X	X	X			X				X		X	X	X
40	ECO3017	Lập dự án đầu tư	X	X				X				X		X	X	X
41	ECO3018	Kỹ năng xúc tiến đầu tư	X	X	X			X				X		X	X	X
42	FIN3002	Đầu tư tài chính	X	X	X			X				X		X		X
43	MGT3004	Quản trị dự án	X	X	X			X				X		X	X	X
44	ECO3027	Đề án môn học Kinh tế đầu tư	X	X				X				X		X		X
45	LAW3012	Luật đầu tư	X	X	X			X				X		X		X
46	ECO3008	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	X	X	X									X		X
47	ECO3020	Kinh tế vùng	X	X	X									X		X
48	ECO3021	Dân số và phát triển	X	X	X									X		X
49	ECO3007	Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội	X	X	X									X		X
50	ECO3022	Phát triển nông thôn	X	X	X									X		X

51	FIN3006	Quản trị tài chính	X	X	X			X				X		X			X
52	BAN3020	Tài chính phát triển	X	X	X			X				X		X			X
53	RMD300 1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X	X									X		X	X
Chuyên ngành Kinh tế quốc tế																	
38	ECO3030	Hội nhập kinh tế quốc tế		X	X				X					X			
39	ECO3031	Kinh tế quốc tế nâng cao		X	X				X				X	X	X		X
40	ECO3032	Chính sách kinh tế quốc tế		X	X				X				X	X	X		X
41	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển		X	X				X					X			X
42	FIN3001	Tài chính quốc tế		X	X				X					X	X		X
43	ECO3034	Đàm phán kinh tế quốc tế	X	X					X					X	X		X
44	LAW305 9	Luật kinh tế quốc tế	X	X					X					X			X
45	ECO3036	Quản lý nợ nước ngoài		X	X				X					X			X
46	ECO3038	Chính sách quản lý công ty đa quốc gia		X	X				X					X		X	
47	ECO3035	Kinh tế nguồn nhân lực		X	X				X					X			
48	IBS2001	Kinh doanh quốc tế		X					X					X	X		
49	BAN3006	Thanh toán quốc tế		X					X					X	X		
50	IBS3002	Logistics và thương mại quốc tế		X					X					X	X		
51	LAW300 1	Luật thương mại quốc tế	X	X					X					X			X

52	RMD300 1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X										X		X	X
Thực tập tốt nghiệp																	
53	ECO4001, ECO4005, ECO4007, ECO4009	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X
54	ECO4002, ECO4006, ECO4008, ECO4010	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X

2.13. Lộ trình đào tạo

Bảng 7.1: Lộ trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế phát triển

Bước 1	Bước 2	Bước 3	Bước 4	Bước 5	Bước 6	
[LAW1001] Pháp luật đại cương (2)		ECO3021] TC: Dân số và phát triển (2)			[ECO4001] Báo cáo thực tập tốt nghiệp (4) và học bổ sung các học phần tự chọn (6)	[ECO4002] Khóa luận tốt nghiệp (10)
[MIS1002] Tin học ứng dụng trong quản lý (3)		ECO3002] Dự báo phát triển kinh tế-xã hội (3)				
[MGT1002] Quản Trị Học (3)	[TOU2002] Giao tiếp Kinh doanh (3)					
[T100] Kinh Tế Vi Mô (3)	[ECO2003] Kinh tế môi trường (3)					
	[MGT2001] Kinh tế vi mô nâng cao (3)	[BAN3020] TC: Tài chính và phát triển (3)				
	[IBS2002] Kinh tế quốc tế (3)	[ECO3029] : Kinh tế số (3)				
	[ACC1002] Nhập môn kế toán (3)	[ECO3015] TC: Kinh tế đầu tư (3)				
	[ECO2001] Quản lý nhà nước về kinh tế (3)	[MIS3024] TC: Chính phủ điện tử (2)				
	[ECO2004] Kinh tế công (3)					
[EO1001] Kinh Tế Vi Mô (3)	[BAN2001] Tài chính công (3)	[ECO3026] TC: Quản lý công (3)	[ECO3002] TC: Phát triển nông thôn (3)			
	[ECO3001] Kinh tế vi mô nâng cao (3)					
	[ECO2002] Kinh tế phát triển (3)	[ECO3004] Kinh tế phát triển nâng cao (3)	[ECO3039] Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội (2)			

		[ECO3020] Kinh tế vùng (3)	[ECO 3005] Phân tích kinh tế - xã hội (3)		
		[ECO3035] Kinh tế nguồn nhân lực (3)	[ECO3028] TC: Chính sách công (3)		
		[ECO3008] Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (3)	[ECO3007] TC: Chương trình và dự phát triển kinh tế - xã hội (3)		
[MAT1001] Toán ứng dụng trong kinh tế (3)	[ECO3019] TC: Phương pháp định lượng trong kinh tế (3)		[STA3002] TC: Hệ thống tài khoản quốc gia (3)	[RMD3001] TC: Phương pháp nghiên cứu khoa học (2)	
	[STA2002] Thống kê kinh doanh và kinh tế (3)	[STA3007] TC: Phân tích và trực quan dữ liệu (3)			
		[ECO 3003] Lý thuyết trò chơi và chiến lược (3)			
		[STA3001] Kinh tế lượng (3)	[ECO3033] TC: Đầu tư quốc tế và phát triển (3)		
[SMT1005] Triết học Mac-Lenin (3)	[SMT1006] Kinh tế chính trị Mac-Lenin (2)	STM 1008] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2)			
	[STM 1007] Chủ nghĩa xã hội khoa học (2)		[STM1004] Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)		
		SMT2001] Lịch sử các học thuyết kinh tế (3)			
[ENGELE1] English Elementary 1 (3)	[ENG2015] English Communication 1 (3)	[ENG2017] English Composition B1 (2)	ENG3005] Tiếng Anh Kinh tế (3)		
[ENGELE2] English Elementary 2 (4)	[ENG2016] English Communication 2 (3)				
<i>Ghi chú</i>	Khối kiến thức đại cương	TC: Tự chọn			
	Khối kiến thức khối ngành	Trong dấu [.....]: Mã học phần			
	Khối kiến thức ngành	Trong dấu (.....): Số tín chỉ			
	Khối kiến thức chuyên ngành				

Bảng 7.2: Lộ trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế và quản lý công

Bước 1	Bước 2	Bước 3	Bước 4	Bước 5	Bước 6
[LAW1001] Pháp Luật Đại Cương (2)		[LAW2007] Luật hành chính (3)			Thực tập tốt nghiệp (10): Chọn 01 trong 02 hình thức
[MIS1002] Tin học ứng dụng trong quản lý (3)		[SMT3027] TC: Hành chính công (3)			
[MGT1002] Quản Trị Học	[TOU1001] Giao tiếp trong kinh doanh				[ECO4005] Báo cáo thực tập tốt nghiệp (4) và học bổ sung các học phần tự chọn (6) [ECO4006] Khoa luận tốt nghiệp (10)
[MGT1001] Kinh Tế Vi Mô (3)		[ECO3028] Chính sách công (3)	[ECO3026] Quản lý công (3)		
	[MGT2001] Kinh tế vi mô nâng cao (3)		[MIS3024] Chính phủ điện tử (3)		
	[ACC1002] Nhập môn kế toán (3)				
	[IBS2002] Kinh tế quốc tế 1 (3)	[FIN2001] TC: Thị trường và các định chế tài chính (3)	[ECO3033] TC: Đầu tư quốc tế và phát triển (3)		
[ECO1001] Kinh Tế VIMô (3)	[ECO2003] Kinh tế môi trường (3)		[ECO3029] TC: Kinh tế số (3)		
	[ECO2004] Kinh tế công (3)	[ECO3014] Kinh tế công năng cao (3)			
	[ECO3001] Kinh tế vĩ mô nâng cao (3)	[ECO3035] TC: Kinh tế nguồn nhân lực (3)			
[ECO1001] Kinh Tế VIMô (3)	[ECO2002] Kinh tế phát triển (3)	[ECO3004] Kinh tế phát triển năng cao (3)	[BAN3020] TC: Tài chính phát triển (3)		
		[ECO3020] TC: Kinh tế vùng (3)	[ECO3005] Phân tích kinh tế xã hội (3)		
		[ECO3021] TC: Dân số và phát triển (3)	[MKT3030] TC: Marketing công cộng (3)		
[ECO1001] Kinh Tế VIMô (3)	[ECO2001] Quản lý nhà nước về kinh tế (3)	[SMT3024] TC: Quan hệ công chúng và giao tiếp công vụ (3)		[RMD3001] TC: Phương pháp nghiên cứu khoa học (2)	
		[BAN2001] Tài chính công (3)	[ECO3016] TC: Thẩm định dự án đầu tư (3)		
[MAT1001] Toán cao ứng dụng trong Kinh Tế (3)	[STA2002] Thống kê kinh doanh và kinh tế (3)	[ECO3002] Dự báo phát triển kinh tế - xã hội (3)			
		[ECO3003] Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược (3)			
		[ECO3019] TC: Phương pháp định lượng trong kinh tế (3)			
		[STA3001] Kinh tế lượng (3)	[STA3004] TC: Phân tích và thực quan dữ liệu (3)		
[SMT1005] Tiết học Mác – Lênin (3)	[SMT1006] Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2)	[SMT2001] Lịch sử các học thuyết kinh tế (3)	[SMT1004] Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)		
	[SMT1007] Chủ nghĩa xã hội khoa học (2)	[SMT1008] Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2)			
[ENGELE1] English Elementary 1 (3)	[ENG2015] English Communication 1 (3)				
[ENGELE2] English Elementary 2 (4)	[ENG2016] English Communication 2 (3)	[ENG2017] English Composition B1 (2)	[ENG3005] Tiếng Anh kinh tế (3)		

Chú ý:

Khối kiến thức đại cương

Khối kiến thức khối ngành

Khối kiến thức ngành

Khối kiến thức chuyên ngành

TC: Học phần tự chọn

Trong dấu [...]: Mã học phần

Trong dấu (...): Số tín chỉ

Bảng 7.3: Lộ trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế đầu tư

Bước 1	T C	Bước 2	T C	Bước 3	T C	Bước 4	T C	Bước 5	T C	Bước 6	
[LAW1001] Pháp luật đại cương	2									Thực tập tốt nghiệp (10): Chọn 01 trong 02 hình thức	
[MIS1002] Tin học ứng dụng trong quản lý	3										
[MGT1001] Kinh tế vi mô	3	[ECO2003] Kinh tế môi trường	3							[EC O40 07] Báo cáo thực tập tốt nghiệp (4) và học bổ sung các môn tự chọn (6)	
		[MGT2001] Kinh tế vi mô nâng cao	3								[E C O 40 08] K ho á lu ậ n t ổ t ng hi ệp (1 0)
		[IBS2002] Kinh tế quốc tế	3	[ECO3028] TC: Kinh tế số	3						
		[FIN2001] TC: Thị trường và các định chế tài chính	3	[FIN3002] TC: Đầu tư tài chính	3						
		[FIN3006] TC: Quản trị tài chính	3								
[ECO1001] Kinh tế vĩ mô	3	[ECO2004] Kinh tế công	3								
		[SMT2001] Lịch sử các học thuyết kinh tế	3								
		[ECO2001] Quản lý nhà nước về kinh tế	3								
				[BAN2001] Tài chính công	3	[ECO3016] Thẩm định dự án đầu tư	3				
		[ECO3015] Kinh tế đầu tư	3	[ECO3017] Lập dự án đầu tư	3	[ECO3018] Kỹ năng xúc tiến đầu tư	3				
				[ECO3033] TC: Đầu tư quốc tế và phát triển	3	[MGT3004] Quản trị dự án	3				
						[ECO3027] Đề án môn học	2				
		[ECO3001] Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	[ECO3007] Chương trình và dự án phát triển KT-XH	3						
		[ECO2002] Kinh tế phát triển	3	[ECO3008] TC: Kế hoạch phát triển KT-XH	3						
				[ECO3020] TC: Kinh tế vùng	3						
				[ECO3022] TC: Phát triển nông thôn	3						
				[ECO3021] TC: Dân số và phát triển	2						
				[BAN3020] TC: Tài chính phát triển	3						
[MAT1001] Toán ứng dụng trong kinh tế	3			[ECO3003] Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược	3						
		[ECO3019] TC: Phương pháp định lượng trong kinh tế	3								
		[STA2002] Thống kê kinh doanh và kinh tế	3	[ECO3002] Dự báo phát triển KT-XH	3						
				[STA3004] TC: Phân tích và trực quan dữ liệu	3						
				[STA3001] Kinh tế lượng	3						
[ENGELE1] English Elementary 1 (3)	3	[ENG2015] English Communication 1 (3)	3	[ENG2016] English Communication 2 (3)	2	[ENG2017] English Composition B1 (2)	3	[ENG3005] Tiếng Anh kinh tế	3		
[ENGELE2] English Elementary 2 (4)	4										
[SMT1005] Triết học Mác - Lênin	3	[SMT1006] Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2								
		[SMT1004] Tư tưởng Hồ Chí Minh	2								
		[SMT1007] Chủ nghĩa xã hội khoa học	2								
		[SMT1008] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2								
[MGT1002] Quản trị học	3	[TOU1001] Giao tiếp trong kinh doanh	3								
		[ACC1002] Nhập môn kế toán	3								
				[LAW3012] TC: Luật đầu tư	2						
								[RMD3001] TC: Phương pháp NCKH	2		
Bước 1	2 7	Bước 2	5 3	Bước 3	4 8	Bước 4	17	Bước 5	5	10	
Chú thích:		Học phần chung toàn Trường		Học phần chung của ngành		TC: Học phần tự chọn		Tổng số tín chỉ tối thiểu phải đạt của chương trình:		134	
		Học phần chung khối ngành		Học phần chuyên ngành		Trong dấu [...] : Mã học phần					

Bảng 7.4: Lộ trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế quốc tế

Bước 1	Bước 2	Bước 3	Bước 4	Bước 5	Bước 6		
[MIS1002] Tin học ứng dụng trong quản lý (3)					Thực tập tốt nghiệp: Chọn 01 trong 02 hình thức:		
[LAW1001] Pháp Luật Đại Cương (2)						[LAW3001] Luật thương mại quốc tế (3)	[LAW3059] Luật kinh tế quốc tế (3)
[TOU1001] Giao tiếp trong kinh doanh (3)						[IBS3002] Logistics và thương mại quốc tế (3)	[IBS2001] Kinh doanh quốc tế (3)
[MGT1002] Quản trị học (3)						[IBS3007] Quản trị đa văn hóa (3)	
[MGT1001] Kinh tế Vi mô (3)						[MGT2001] Kinh tế vi mô nâng cao (3)	[MGT3002] Quản trị chuỗi cung ứng (3)
	[ACC1002] Nguyên lý kế toán (3)						
	[IBS2002] Kinh tế quốc tế (3)	[ECO3031] Kinh tế quốc tế nâng cao (3)	[ECO3030] Hội nhập kinh tế quốc tế (3)				
	[ECO2003] Kinh tế môi trường (3)		[ECO3032] Chính sách kinh quốc tế (3)				
[ECO1001] Kinh tế Vĩ mô (3)	[ECO2004] Kinh tế công (3)	[ECO3037] Kinh tế khu vực (3)	[ECO3034] Đàm phán kinh quốc tế (3)	[RMD3001] Phương pháp nghiên cứu khoa học (2)	[Eco4009] Bảo cáo thực tập tốt nghiệp (4) và học bổ sung các môn tự chọn (6)		
	[ECO2002] Kinh tế phát triển (3)	[ECO3029] Kinh tế số (3)	[COM3001] Thương mại điện tử (3)				
	[ECO2001] Quản lý nhà nước về kinh tế (3)	[ECO3035] Kinh tế nguồn nhân lực (3)	[ECO3033] Đầu tư quốc tế và phát triển (3)				
	[BAN2001] Tài chính công (3)	[FIN3001] Tài chính quốc tế (3)					
	[ECO3001] Kinh tế vĩ mô nâng cao (3)	[ECO3002] Dự báo phát triển kinh tế - xã hội (3)					
[[MAT1001] Toán ứng dụng trong kinh tế (3)	[STA2002] Thống kê kinh doanh và kinh tế (3)	[STA3001] Kinh tế lượng (3)	[ECO3036] Quản lý nợ nước ngoài(3)		[Eco4010] Khóa luận tốt nghiệp (10)		
	[ECO3003] Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược (3)		[ECO3038] Chính sách quản lý công ty đa quốc gia (3)				
[SMT1005] Triết học Mác – Lênin (3)	[SMT1006] Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2)	[SMT2001] Lịch sử các học thuyết kinh tế (3)	[SMT1004] Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)				
	[SMT1007] Chủ nghĩa XHKH (2)	[SMT1008] Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2)					
[ENGELE1] English Elementary 1 (3)	[ENG2015] English Communication 1 (3)	[ENG2017] English Composition B1 (2)					
[ENGELE2] English Elementary 2 (4)	[ENG2016] English Communication 2 (3)	[ENG3005] Tiếng Anh kinh tế (3)					

Ghi chú: [...] Mã môn học

(...) Số tín chỉ

Khối kiến thức đại cương
Khối kiến thức chung khối ngành
Khối kiến thức chung của ngành

Khối kiến chuyên ngành

Khối kiến thức tự chọn

2.14. Hoạt động ngoại khoá

2.14.1. Hoạt động ngoại khoá liên quan tới học phần

Chương trình đào tạo của Khoa có các hoạt động ngoại khoá đa dạng tương ứng với các tiêu chuẩn đầu ra để hỗ trợ sinh viên xây dựng và phát triển các kỹ năng và thái độ. Các hoạt động ngoại khoá liên quan đến môn học bao gồm các chuyến đi thực tế, các buổi tọa đàm, hội thảo. Ngoài ra, sinh viên có cơ hội nói chuyện với các cơ quan quản lý, doanh nghiệp về chủ đề liên quan đến nội dung học tập..

2.14.2. Các hoạt động ngoại khoá khác

Bên cạnh chương trình giảng dạy, Khoa Kinh tế cũng tổ chức cho sinh viên nhiều các hoạt động ngoại khoá như sau:

- Các hoạt động được tổ chức bởi Liên Chi đoàn Khoa như lễ đón tân sinh viên năm nhất, các chuyến đi tình nguyện (ví dụ: Mùa Yêu thương, chuyến đi tình nguyện ở vùng sâu vùng xa), các cuộc thi học thuật, văn thể mỹ,...
- Hội thảo với các doanh nghiệp và cựu sinh viên.

2.15. Đối sánh với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước

ST T	Mã học phần	Tên học phần	C h ư ơ n g t r ì n h 1	C h ư ơ n g t r ì n h 2	C h ư ơ n g t r ì n h 3	C h ư ơ n g t r ì n h 4	C h ư ơ n g t r ì n h 5
Chuyên ngành Kinh tế phát triển							
1.	SMT1005	Triết học Mác-Lênin	X	X	X		
2.	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	X	X	X		
3.	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X		X		
4.	SMT1008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X	C	X		
5.	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X		
6.	LAW1001	Pháp luật đại cương	X	X	X		
7.	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh			X		
8.	MIS1002	Tin học ứng dụng trong quản lý		C	X		
9.	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	X	X	C	C	
10.	MGT1001	Kinh tế vi mô	X	X	X	X	X
11.	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	X	X	X	X	x

12.	MGT1002	Quản trị học	C				
13.	ENGELE1	English Elementary 1	X	X	X	C	C
14.	ENGELE2	English Elementary 2	X	X	X	C	C
15.	ENG2015	English Communication 1	X	X	X	C	C
16.	ENG2016	English Communication 2	X	X	X	C	C
17.	ENG2017	English Composition B1	X	X	X	C	C
18.	SMT2001	Lịch sử các học thuyết kinh tế		X	X		
19.	ACC1002	Nhập môn kế toán	X	X	X		
20.	ECO2002	Kinh tế phát triển	X	X	X	C	
21.	IBS2002	Kinh tế quốc tế	X	C	X		C
22.	ECO2004	Kinh tế công	X	X			
23.	BAN2001	Tài chính công		C			
24.	ECO2003	Kinh tế môi trường	C	X	X	C	
25.	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	X	C		C	
26.	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế					
27.	ENG3005	Tiếng Anh kinh tế	X	X	X	C	C
28.	ECO3001	Kinh tế vĩ mô nâng cao	X	X	X	X	X
29.	ECO3002	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	X				
30.	ECO3003	Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược		C	C	X	
31.	MGT2001	Kinh tế vi mô nâng cao		X	X	X	X
32.	STA3001	Kinh tế lượng	X	X	X	X	X
33.	ECO3021	Dân số và phát triển			C		
34.	ECO3015	Kinh tế đầu tư				X	C
35.	STA3013	Phân tích và trực quan dữ liệu		X	C	X	
36.	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế	C	C	C	C	C
37.	BAN3020	Tài chính và phát triển		C	X	C	
38.	ECO3039	Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội	X			X	
39.	ECO3008	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	X	C			
40.	ECO3004	Kinh tế phát triển nâng cao		X			C
41.	ECO3020	Kinh tế vùng	C				
42.	ECO3009	Kinh tế nguồn nhân lực	X	X	X		
43.	ECO3029	Kinh tế số				C	
44.	ECO3005	Phân tích kinh tế - xã hội			X	C	C
45.	MIS3024	Chính phủ điện tử					
46.	ECO3028	Chính sách công		X	C	C	C
47.	ECO3007	Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội	X				
48.	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển		C		C	X
49.	STA3002	Hệ thống tài khoản quốc gia	C				
50.	ECO3022	Phát triển nông thôn			C	C	

51	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	C	C	C	C	C
52	ECO3026	Quản lý công	X				
53	ECO4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	X	X	X		
54	ECO4002	Khóa luận tốt nghiệp (*)	X	X	X		
Chuyên ngành Kinh tế và quản lý công							
1.	SMT1005	Triết học Mác-Lênin	X	X	X		
2.	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	X	X	X		
3.	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X		
4.	SMT1008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X	X	X		
5.	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X		
6.	LAW1001	Pháp luật đại cương	X	X	X	C	C
7.	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	C	C	C	C	C
8.	MIS1002	Tin học ứng dụng trong quản lý	X	C	C	C	C
9.	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	C	C	C		
10.	MGT1001	Kinh tế vi mô	X	X	X	X	X
11.	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	X	X	X	X	X
12.	MGT1002	Quản trị học	X	X	X	C	C
13.	ENGELE1	English Elementary 1	X	X	X	C	C
14.	ENGELE2	English Elementary 2	X	X	X	C	C
15.	ENG2015	English Communication 1	X	X	X	C	C
16.	ENG2016	English Communication 2	X	X	X	C	C
17.	ENG2017	English Composition B1	X	X	X	C	C
18.	SMT2001	Lịch sử các học thuyết kinh tế	X		X		
19.	ACC1002	Nhập môn kế toán	C	C	C	C	C
20.	ECO2002	Kinh tế phát triển	X		C		C
21.	IBS2002	Kinh tế quốc tế	X	C	C	C	C
22.	ECO2004	Kinh tế công	X	X	X	X	X
23.	BAN2001	Tài chính công	X	X	C	C	C
24.	ECO2003	Kinh tế môi trường	X	C	X	X	C
25.	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	C	X		C	
26.	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	C	X	C	C	C
27.	ENG3005	Tiếng Anh kinh tế	X	X	X	X	X
28.	ECO3001	Kinh tế vĩ mô nâng cao	C			C	
29.	ECO3002	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	X	C		C	C
30.	ECO3003	Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược	C				
31.	MGT2001	Kinh tế vi mô nâng cao	C			C	
32.	STA3001	Kinh tế lượng	X	X	C	X	X
33.	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế		C			C
34.	ECO3029	Kinh tế số	C		C		
35.	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển	C		C	C	C

36	STA3013	Phân tích và trực quan dữ liệu		C			
37	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính		C	C	X	X
38	LAW2007	Luật hành chính	X	X	X	C	
39	ECO3004	Kinh tế phát triển nâng cao	C	C	C		C
40	ECO3005	Phân tích kinh tế - xã hội		C	C	C	
41	ECO3028	Chính sách công	X	X	X	X	X
42	ECO3014	Kinh tế công nâng cao	X		X		
43	ECO3026	Quản lý công	X	X	X	X	X
44	MIS3024	Chính phủ điện tử				C	
45	ECO3035	Kinh tế nguồn nhân lực	X	C	C		
46	ECO3016	Thẩm định dự án đầu tư	X		X	X	
47	ECO3020	Kinh tế vùng	C	C		C	
48	BAN3020	Tài chính phát triển		C	C	X	X
49	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X	X	X	X
50	SMT3027	Hành chính công	X		X		
51	ECO3021	Dân số và phát triển	X		X	C	C
52	MKT3030	Marketing công cộng	C	X	X	C	C
53	SMT3024	Quan hệ công chúng và giao tiếp công vụ	X		C		
54	ECO4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	X	X	X	C	C
55	ECO4002	Khóa luận tốt nghiệp (*)	X	X	X	C	C
Chuyên ngành Kinh tế đầu tư							
1.	SMT1005	Triết học Mác-Lênin	X	X	X		
2.	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	X	X	X		
3.	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X		
4.	SMT1008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X	X	X		
5.	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X		
6.	LAW1001	Pháp luật đại cương	X	X	X	C	C
7.	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	C	C	C	C	C
8.	MIS1002	Tin học ứng dụng trong quản lý	X	X	X	X	X
9.	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	X	X	X	X	X
10.	MGT1001	Kinh tế vi mô	X	X	X	X	X
11.	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	X	X	X	X	X
12.	MGT1002	Quản trị học	C	C	C	X	X
13.	ENGELE1	English Elementary 1	X	X	X	C	C
14.	ENGELE2	English Elementary 2	X	X	X	C	C
15.	ENG2015	English Communication 1	X	X	X	C	C
16.	ENG2016	English Communication 2	X	X	X	C	C
17.	ENG2017	English Composition B1	X	X	X	C	C
18.	SMT2001	Lịch sử các học thuyết kinh tế	X	X	X	X	X

19	ACC1002	Nhập môn kế toán	X	X	X	X	X
20	ECO2002	Kinh tế phát triển	X	X	X	X	X
21	IBS2002	Kinh tế quốc tế	X	X	X	X	X
22	ECO2004	Kinh tế công	X	X	X	X	X
23	BAN2001	Tài chính công	X	X	X	X	X
24	ECO2003	Kinh tế môi trường	X	X	X	X	X
25	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	X	X	X	X	X
26	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	X	X	X	C	C
27	ENG3005	Tiếng Anh kinh tế	X	X	X	C	C
28	ECO3001	Kinh tế vĩ mô nâng cao	X	X	X	X	X
29	MGT2001	Kinh tế vi mô nâng cao	X	X	X	X	X
30	STA3001	Kinh tế lượng	X	X	X	X	X
31	ECO3002	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	X	X	X	C	C
32	ECO3003	Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược	X	X	X	X	X
33	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế	X	X	X	X	X
34	ECO3029	Kinh tế số	X	X	C	X	X
35	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển	X	X	X	X	X
36	STA3013	Phân tích và trực quan dữ liệu	C	C	C	C	C
37	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	X	X	X	X	X
38	ECO3015	Kinh tế đầu tư	X	X	X	X	X
39	ECO3016	Thẩm định dự án đầu tư	X	X	X	X	X
40	ECO3017	Lập dự án đầu tư	X	X	X	X	X
41	ECO3018	Kỹ năng xúc tiến đầu tư	X	X	X	X	X
42	FIN3002	Đầu tư tài chính	X	X	X	X	X
43	MGT3004	Quản trị dự án	X	X	X	X	X
44	ECO3027	Đề án môn học Kinh tế đầu tư	X	X	C	C	C
45	LAW3012	Luật đầu tư	X	X	X	X	X
46	ECO3008	Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội	X	X	X	C	C
47	ECO3020	Kinh tế vùng	X	X	X	X	X
48	ECO3021	Dân số và phát triển	X	X	X	X	X
49	ECO3007	Chương trình và dự án phát triển Kinh tế xã hội	X	X	X	X	X
50	ECO3022	Phát triển nông thôn	C	C	C	C	C
51	FIN3006	Quản trị tài chính	X	X	X	X	X
52	BAN3020	Tài chính phát triển	X	X	X	X	X
53	RMD3001	Phương Pháp nghiên cứu khoa học	X	X	X	X	X
54	ECO4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	X	X	X	C	C
55	ECO4002	Khóa luận tốt nghiệp (*)	X	X	X	C	C
Chuyên ngành Kinh tế quốc tế							
1.	SMT1005	Triết học Mác-Lênin	X	X	X	X	

2.	SMT1006	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	X	X	X	X	
3.	SMT1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X	X	
4.	SMT1008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X	X	X	X	
5.	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X	X	
6.	LAW1001	Pháp luật đại cương	X	X	X	X	
7.	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh					
8.	MIS1002	Tin học ứng dụng trong quản lý	X	C	C	C	
9.	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	C	C	X	C	C
10.	MGT1001	Kinh tế vi mô	X	X	X	X	X
11.	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	X	X	X	X	X
12.	MGT1002	Quản trị học	X	X	X	C	X
13.	ENGELE1	English Elementary 1	X	X	X	X	C
14.	ENGELE2	English Elementary 2	X	X	X	X	C
15.	ENG2015	English Communication 1	X	X	X	X	C
16.	ENG2016	English Communication 2	X	X	X	X	C
17.	ENG2017	English Composition B1	X	X	X	X	C
18.	SMT2001	Lịch sử các học thuyết kinh tế			X		X
19.	ACC1002	Nhập môn kế toán	X		X	X	X
20.	ECO2002	Kinh tế phát triển	X	X	C	X	C
21.	IBS2002	Kinh tế quốc tế	X	X	C	X	X
22.	ECO2004	Kinh tế công	X	X			
23.	BAN2001	Tài chính công	X			X	
24.	ECO2003	Kinh tế môi trường	X	X	X	X	
25.	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	X	X	X	X	
26.	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	C	C			
27.	ENG3005	Tiếng Anh kinh tế	X	X	X	X	C
28.	ECO3001	Kinh tế vĩ mô nâng cao			X	X	X
29.	ECO3002	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội				C	
30.	ECO3003	Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược		C	C	C	
31.	MGT2001	Kinh tế vi mô nâng cao			X	X	C
32.	STA3001	Kinh tế lượng	X	X	X	X	X
33.	ECO3029	Kinh tế số					C
34.	ECO3037	Kinh tế khu vực	C	X			C
35.	COM3001	Thương mại điện tử		X			C
36.	IBS3007	Quản trị đa văn hóa		X			C
37.	MGT3002	Quản trị chuỗi cung ứng	X	X		X	
38.	ECO3030	Hội nhập kinh tế quốc tế	X	C	X		
39.	ECO3031	Kinh tế quốc tế nâng cao	X	X	X	X	X
40.	ECO3032	Chính sách kinh tế quốc tế	X	C	C		X
41.	ECO3033	Đầu tư quốc tế và phát triển	X	X	X	X	

42.	FIN3001	Tài chính quốc tế	X	X	X	X	X
43.	ECO3034	Đàm phán kinh tế quốc tế	C	C		X	
44.	LAW3059	Luật kinh tế quốc tế	C			C	X
45.	ECO3036	Quản lý nợ nước ngoài		X			
46.	ECO3038	Chính sách quản lý công ty đa quốc gia	X	C			C
47.	ECO3035	Kinh tế nguồn nhân lực		X			X
48.	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	X	X	X	X	C
49.	BAN3006	Thanh toán quốc tế		X		X	
50.	IBS3002	Logistics và thương mại quốc tế		X	X	X	
51.	LAW3001	Luật thương mại quốc tế	C				X
52.	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học			C	C	
54	ECO4001, ECO4005, ECO4007, ECO4009	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	C
55	ECO4002 ECO4002, ECO4006, ECO4008, ECO4010	Khóa luận tốt nghiệp (*)	X	X	X	X	C

Chuyên ngành Kinh tế phát triển:

Chương trình 1: Chương trình Kinh tế phát triển - Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội (<https://khoakhpt.neu.edu.vn/vi/chinh-quy-1590/gioi-thieu-cac-nganh-dao-cao-dai-hoc-he-chinh-quy-2021>)

Chương trình 2: Chương trình Kinh tế phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội (<http://tuyensinhdaihoc.ueh.edu.vn/ueh-tuyen-sinh-dai-hoc-2018-Nganh-Kinh-te-phat-trien-1191.html>)

Chương trình 3: Chương trình Kinh tế phát triển - Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh (<https://sdh.ueh.edu.vn/nganh-dao-cao-thac-si/kinh-te-phat-trien-master-of-development-economics.html>)

Chương trình 4: Development Economics - University of Queensland (Úc) (<https://my.uq.edu.au/programs-courses/requirements/program/5469/2022>)

Chương trình 5: Development Economics - University of Nottingham (Anh) (<https://www.nottingham.ac.uk/pgstudy/course/taught/development-economic-s-msc>)

Chuyên ngành Kinh tế và quản lý công:

Chương trình 1: Chương trình Kinh tế và Quản lý công - Trường Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

(<https://www.uel.edu.vn/ArticleId/bbe890a9-60d9-4fc1-a8d0-9b03e75549d7/kinh-te-va-quan-ly-cong>)

Chương trình 2: Chương trình Quản lý công - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
(<https://khql.neu.edu.vn/vi/e-pmp-2566/gioi-thieu-chuong-trinh-e-pmp>)

Chương trình 3: Chương trình Quản lý công - Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (<http://sog.ueh.edu.vn/quan-ly-cong-van-bang-1/>)

Chương trình 4: Economics and Public Policy - University of Queensland
(https://my.uq.edu.au/programs-courses/program.html?acad_prog=5588)

Chương trình 5: Economics BSc - The University of Nottingham
(<https://www.nottingham.ac.uk/ugstudy/course/Economics-BSc>)

Chuyên ngành Kinh tế đầu tư:

Chương trình 1: Chương trình Kinh tế Đầu tư – Học Viện Nông nghiệp Việt Nam
(<https://vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/view.html?cid=7512&tab=7512>)

Chương trình 2 : Chương trình Kinh tế Đầu tư – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
(<https://khoadautu.neu.edu.vn/vi/tin-tuc-1916/gioi-thieu-khoa-dau-tu-va-nganh-h-hoc>)

Chương trình 3: Chương trình Kinh tế Đầu tư - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (<https://se.ueh.edu.vn/vi/kinh-te-dau-tu/>)

Chương trình 4: Chương trình Đầu tư và Kinh tế - Westcliff university – USA
(<https://edusanjal.com/course/bba-investment-and-economics-westcliff-university/>)

Chương trình 5: Chương trình Đầu tư và Kinh tế - King's College - Kathmandu – Nepal
(<https://www.kingscollege.edu.np/bba-investmment-and-economics-in-nepal/>)

Chuyên ngành Kinh tế quốc tế:

Chương trình 1: Ngành Kinh tế quốc tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội
(<https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy-cho-khoa-62>)

Chương trình 2: Ngành Kinh tế quốc tế - Đại học Thương Mại
(<http://kinhtekinhdoanhquoc-te.tmu.edu.vn/vi/news/Dao-tao-va-quan-li-sinh-vien/chuong-trinh-dao-tao-kinh-te-quoc-te-47.html>)

Chương trình 3: Ngành Kinh tế quốc tế - Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (http://ueb.edu.vn/Uploads/Article/luumaianh/2018_3/File/6.%20Cu%20nhan%20Kinh%20te%20quoc%20te%20he%20chuan.pdf)

Chương trình 4: Ngành Kinh tế quốc tế - Học viện Chính sách và Phát triển (<http://apd.edu.vn/cac-chuong-trinh-dao-tao7>)

Chương trình 5: Ngành Kinh tế học kinh doanh quốc tế - Eötvös Loránd University (Hungary) (<https://www.elte.hu/en/international-business-economics>)

2.16. Hướng dẫn thực hiện chương trình

2.16.1. *Hướng dẫn chung*

Quá trình triển khai chương trình đào tạo tuân thủ các quy định hiện hành về đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Kinh tế.

Chương trình được thiết kế với thời gian đào tạo chuẩn là 4 năm đối với hình thức đào tạo chính quy. Mỗi năm học có hai học kỳ chính (bắt đầu từ giữa tháng 8 đến cuối tháng 6) và một học kỳ hè (bắt đầu từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 8). Tuy nhiên, hệ thống đào tạo tín chỉ tại Trường cho phép sinh viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân. Do đó, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn thời gian học tập còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa lên đến 6 năm.

Theo lộ trình đào tạo đối với hình thức đào tạo chính quy, sinh viên sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức đại cương (46 tín chỉ) trong 3 kì học đầu tiên; các học phần thuộc khối kiến thức khối ngành (30 tín chỉ) trong năm học thứ 2, đầu năm thứ 3; cuối cùng, các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành sẽ được học vào cuối năm thứ 2 trở đi. Sau đó, vào học kỳ cuối cùng, sinh viên sẽ đi thực tập; với 1 trong 2 hình thức là Báo cáo thực tập tốt nghiệp (và học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn) hoặc Khóa luận tốt nghiệp. Đối với các học phần tự chọn ngành và chuyên ngành, sinh viên sẽ được hướng dẫn chọn các học phần phù hợp nhất với điều kiện thực tế, yêu cầu xã hội và định hướng nghề nghiệp của sinh viên.

2.16.2. *Hướng dẫn về đảm bảo chất lượng*

Chương trình đào tạo hằng năm được rà soát, đánh giá, cập nhật theo quy định hiện hành. Kết quả rà soát, đánh giá được Trường ĐHKT áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Cứ sau 5 năm, chương trình đào tạo được xem xét

đánh giá tổng thể, toàn diện để có các thay đổi, cập nhật cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, của các bên liên quan.

Việc thực hiện đảm bảo chất lượng đào tạo của chương trình được tuân thủ theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo, ĐHQG; và tuân thủ theo chính sách chất lượng áp dụng tại Trường ĐHKT (ban hành kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-ĐHKT ngày 23/11/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHKT).

Phần 3. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

3.1. STM1005 - Triết học Mac-Lenin (Marxists-Leninist philosophy)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần gồm 3 chương, ngoài phần giới thiệu vấn đề chung của triết học, học phần chủ yếu cung cấp những kiến thức cơ bản về Triết học Mác-Lênin: điều kiện ra đời, khái niệm; vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật; Lý luận nhận thức; Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và đấu tranh giai cấp; nhà nước và cách mạng; tồn tại xã hội và ý thức xã hội; con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

3.2. SMT1006 - Kinh tế chính trị Mác-Lenin (Political economics of Marxism – Leninism)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: SMT1005 - Triết học Mác-Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin đề cập đến nội dung chủ yếu sau: 1) Nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn: tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. 2) Nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3.3. SMT1007 - Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: SMT1005 - Triết học Mác - Lênin

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học đề cập các nội dung chủ yếu sau: 1) Nghiên cứu những vấn đề cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. 2) Nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3.4. SMT1008 - Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese communist party)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được những kiến thức cơ bản về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung học phần đi sâu vào tìm hiểu quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945 - 1975, quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay.

3.5. SMT1004 - Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's ideology)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: SMT1005 - Triết học Mác-Lênin

Học phần được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Nội dung học phần đi sâu vào tìm hiểu cơ sở và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của dân, do dân và vì dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết văn tế, về văn hoá - đạo đức - con người...

3.6. LAW1001 - Pháp luật đại cương (General law)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần Pháp luật đại cương được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, quan trọng về nhà nước và pháp luật. Qua học phần, sinh viên được trang

bị những kiến thức về nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật. Những nội dung về thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa và pháp luật về phòng chống tham nhũng cũng được cung cấp cho người học nhằm giúp các em nhận diện được các hình thức thực hiện pháp luật, xác định được hành vi nào là vi phạm pháp luật cũng như trách nhiệm pháp lý phải gánh chịu khi vi phạm pháp luật. Đồng thời qua những kiến thức học phần giúp các em nâng cao ý thức pháp luật cũng như biết phòng, chống các hành vi tham nhũng.

3.7. TOU1001 - Giao tiếp kinh doanh (Business communication)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức nền tảng căn bản của nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh; cung cấp các nguyên tắc và hướng dẫn vận dụng các kỹ năng cơ bản của giao tiếp để người học có khả năng thực hành giao tiếp trong kinh doanh một cách hiệu quả, có đạo đức và đúng pháp luật; cung cấp các nguyên tắc và hướng dẫn vận dụng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc: từ khi phỏng vấn cho đến khi hoà nhập vào môi trường làm việc. Học phần này bao gồm 8 chương, trình bày 1) tổng quan về giao tiếp trong kinh doanh, 2) kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ và 3) các thể thức giao tiếp trong kinh doanh.

3.8. MGT1001 - Kinh tế vi mô (Microeconomics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung học phần đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền và các thất bại thị trường....

3.9. ECO1001 - Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần học trước: Không

Học phần Kinh tế vĩ mô cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận hành của nền kinh tế thị trường trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, bao gồm việc đo lường và mô tả các biến số vĩ mô chủ yếu như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, tiết kiệm, chi tiêu của chính phủ, cung và cầu tiền, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân thương mại, cán cân ngân

sách...; Các yếu tố cấu thành và cách thức hoạt động của thị trường vốn vay, thị trường tiền tệ, thị trường hàng hóa, thị trường ngoại hối...; Cơ chế vận hành của nền kinh tế trong dài hạn thông qua cách thức xã hội sử dụng các nguồn lực khan hiếm để tạo ra sản lượng và tăng trưởng kinh tế; Đồng thời nghiên cứu, lý giải những biến động kinh tế trong ngắn hạn dưới tác động của cú sốc cung, cú sốc cầu và vai trò của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong việc ổn định nền kinh tế trong ngắn hạn và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

3.10. MGT1002 - Quản trị học (Management)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần này giúp người học có kiến thức để hiểu rõ công việc nhà quản trị thực hiện (qua tiến trình quản trị) nhằm đạt mục tiêu một cách hữu hiệu và hiệu quả trên phạm vi toàn bộ tổ chức (kinh doanh và phi kinh doanh) cũng như ở bất cứ lĩnh vực chức năng nào (nguồn nhân lực, sản xuất, tài chính, marketing...), trong bối cảnh môi trường hoạt động của nó. Học phần sẽ cung cấp những nội dung cơ bản về thế nào là quản trị; các loại nhà quản trị và vai trò của họ trong một tổ chức; các kỹ năng cần thiết đối với nhà quản trị; và nội dung trọng tâm là các chức năng cơ bản bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra mà nhà quản trị phải thực hiện trong tiến trình quản trị của họ.

3.11. MIS1002 – Tin học ứng dụng trong quản lý (Applied it in office informatics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cốt lõi về Công nghệ thông tin và truyền thông cần thiết cho quá trình học tập, nghiên cứu và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh, bao gồm: kiến thức về an toàn và bảo mật thông tin cá nhân và doanh nghiệp; kiến thức cơ bản về các công nghệ mới trong xu thế chuyển đổi số; đồng thời cập nhật các xu hướng công nghệ hiện đại ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh; các kỹ năng quản lý công việc và làm việc nhóm trên môi trường mạng Internet.

Học phần cũng trang bị cho người học các kỹ năng về thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu ứng dụng trong các hoạt động kinh tế và kinh doanh; các kỹ năng soạn thảo và xây dựng các báo cáo chuyên nghiệp.

3.12. MAT1001 - Toán ứng dụng trong kinh tế (Advanced mathematics and applications in economics and business)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần Toán ứng dụng trong kinh tế cung cấp cho sinh viên các công cụ toán học cơ bản bao gồm: hàm số, dãy số, chuỗi số, ma trận, hệ phương trình, hệ bất phương trình, vi tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân, và các ứng dụng của các công cụ toán này trong việc giải thích, phân tích và giải quyết các vấn đề quan trọng trong kinh tế và kinh doanh. Giúp sinh viên hiểu rõ bản chất, ý nghĩa của hệ thống các công cụ toán học cơ bản bao gồm lý thuyết ma trận, hệ phương trình, đạo hàm, tích phân, ... là nền tảng để giải thích các hiện tượng và quá trình kinh tế và kinh doanh. Trang bị cho sinh viên kỹ năng ứng dụng các công cụ toán học hữu dụng để giải thích bản chất, mô hình hóa và giải quyết các vấn đề thực tiễn dưới góc độ logic toán học, đồng thời giúp sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá các kết quả đạt được, sau đó vận dụng vào các hiện tượng kinh tế và kinh doanh.

3.13. ENGELE1 - English Elementary 1

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần này được thiết kế tích hợp giữa 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết và các bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Luyện âm. Nội dung học phần được trình bày trong 5 bài học (5 units), mỗi unit gồm các bài học nhỏ (lessons) về các kỹ năng sử dụng từ vựng và nghe hiểu (với các dạng bài tập trắc nghiệm, hoàn thành câu/ sơ đồ/ bảng biểu); kỹ năng đọc hiểu (với các dạng trắc nghiệm, nối thông tin, trả lời ngắn, hoàn thành sơ đồ); kỹ năng thảo luận, trình bày quan điểm cá nhân trong những tình huống cụ thể; kỹ năng viết (với các bài tập ngữ pháp và viết như hoàn thành câu, viết câu, viết đoạn văn ngắn về cá nhân, viết quảng cáo ngắn, viết email ngắn, mô tả một địa điểm ưa thích, viết các chỉ dẫn, hướng dẫn...) ở mức độ bậc 1 trong cấp độ sơ cấp. Sau mỗi bài học, sinh viên được luyện tập, thực hành với các tài liệu cho hình thức học trực tiếp và nguồn tài nguyên thực hành trực tuyến. Học phần này giúp sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật, các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Sinh viên có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời thông tin về bản thân như nơi sinh sống, gia đình và bạn bè. Sinh viên có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng.

3.14. ENGELE2 - English Elementary 2

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: English Elementary 1

Học phần này được thiết kế tích hợp giữa 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết và các bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Luyện âm. Nội dung học phần được trình bày trong 6 bài học (6 units), mỗi unit gồm các bài học về các kỹ năng sử dụng từ vựng; kỹ năng nghe hiểu (nghe hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu

giao tiếp cơ bản với các dạng bài tập trắc nghiệm, hoàn thành câu/ sơ đồ/ bảng biểu); kỹ năng đọc hiểu (đọc hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản với dạng bài tập trắc nghiệm, nối thông tin, trả lời ngắn); kỹ năng nói (rao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); kỹ năng viết (với các dạng bài tập ngữ pháp và viết (hoàn thành câu, viết câu, viết đoạn văn ngắn về gia đình, điều kiện sống, ghi chú, email, một tin nhắn cảm ơn, biết cách viết một blog cá nhân về du lịch, tin nhắn qua mạng, bình luận về một số chủ đề: học tập, giải trí, ngoại hình, thời trang...)) Sau mỗi bài học, sinh viên được luyện tập, thực hành với các tài liệu cho hình thức học trực tiếp và nguồn tài nguyên thực hành trực tuyến.

3.15. ENG2015 - English Communication 1

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: English Elementary 2

Môn học này tích hợp các kỹ năng Nghe Nói Đọc tiếng Anh nhằm cung cấp cho người học cơ hội phát triển năng lực tiếng Anh ở trình độ B1 theo khung chuẩn năng lực ngoại ngữ của châu Âu. Giáo trình chính sử dụng cho môn học có nguồn ngữ liệu xác thực, đa dạng về chủ đề và bao gồm nhiều hoạt động giao tiếp phong phú. Do vậy, sinh viên được trang bị nhiều phương tiện ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt ý tưởng ở nhiều chủ đề khác nhau và nâng cao kỹ năng hợp tác, tư duy sáng tạo. Đặc biệt, môn học này còn tập trung giúp người học biết cách sử dụng và luyện tập thuần thục các kỹ thuật, chiến lược cơ bản trong kỹ năng thuyết trình. Nhờ vậy, người học có thể phát triển sự tự tin và lưu loát diễn đạt ý tưởng của mình trước đám đông.

3.16. ENG2016 - English Communication 2

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: English Communication 1

Học phần này tích hợp các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nhằm trang bị cho người học nền tảng và kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ B1 theo khung chuẩn năng lực ngoại ngữ của châu Âu. Trong đó, dựa vào các nguồn tư liệu hiện đại và sát với tình hình kinh tế - xã hội, sinh viên sẽ xây dựng được năng lực ngôn ngữ và phát triển những kỹ năng ngôn ngữ được ứng dụng trong các tình huống xã hội thực tế để đưa ra ý kiến cá nhân cũng như phát triển khả năng biện luận. Bên cạnh đó, kỹ năng thuyết trình cũng được bổ sung vào học phần này nhằm giúp sinh viên có thể tự tin trình bày ý tưởng của mình một cách lưu loát bằng tiếng Anh

3.17. ENG2017 - English Composition B1

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: English Elementary 2

Học phần gồm 11 đơn vị bài học được xây dựng với thời lượng 2 tiết/1 đơn vị bài học nhằm mục đích giúp người học hệ thống lại các dạng bài tập thường gặp trong một bài thi Viết cấp độ B1 khung Châu Âu. Mỗi đơn vị bài học gồm phần hướng dẫn kỹ thuật làm bài kèm các bài tập thực hành, củng cố tại lớp và phần đề xuất tài liệu tự học thêm ngoài giờ học ở lớp.

3.18. ECO2002 - Kinh tế phát triển (Development economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 - Kinh tế vĩ mô

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề tăng trưởng và phát triển bao gồm: các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế, các mô hình phát triển kinh tế, các nguồn lực quyết định trong tăng trưởng và phát triển kinh tế, các tiến trình tăng trưởng kinh tế và mối quan hệ thực tiễn giữa tăng trưởng và phát triển.

3.19. IBS2002 - Kinh tế quốc tế (International economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 - Kinh tế vĩ mô

Học phần Kinh Tế Quốc Tế được thiết kế nhằm giúp sinh viên có thể đào sâu được kiến thức về cơ sở, mô thức và lợi ích của các luồng vận động hàng hóa, dịch vụ, tài sản, các phương tiện tiền tệ giữa các quốc gia và vai trò của chính phủ, đồng thời phát triển được các kỹ năng cần thiết trong nhận thức ảnh hưởng của môi trường kinh doanh phạm vi quốc tế. Học phần đề cập đến các vấn đề chủ yếu sau:

giới thiệu đặc trưng các quan hệ kinh tế quốc tế chủ yếu, lý thuyết thương mại, đầu tư và dịch chuyển lao động quốc tế, chính sách thương mại, liên kết kinh tế quốc tế và các vấn đề cơ bản của kinh tế tiền tệ quốc tế như cán cân thanh toán quốc tế, thị trường ngoại hối và hệ thống tiền tệ quốc tế.

3.20. ECO2004 - Kinh tế công (Public economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được xu hướng vận động của khu vực công trong nền kinh tế thị trường. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa khu vực công và khu vực tư nhân, kinh tế học phúc lợi, huy động và phân bổ nguồn lực có khả năng nâng cao hiệu quả kinh tế, đạt được các mục

tiêu xã hội thông qua các chính sách, cung cấp hàng hóa – dịch vụ công và lựa chọn công cộng.

3.21. ECO2003 - Kinh tế môi trường (Environmental economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: MGT1001 - Kinh tế vi mô

Học phần được thiết kế với mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản phục vụ cho việc nghiên cứu những vấn đề môi trường bằng quan điểm và những công cụ phân tích của kinh tế học. Học phần đề cập các vấn đề chủ yếu sau đây: mối quan hệ giữa khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, chất lượng môi trường và hành vi ứng xử của các cá nhân, tổ chức và xã hội dưới góc độ kinh tế – xã hội; các kiến thức cơ bản về kinh tế và môi trường và cách thức vận dụng nó để giải quyết các vấn đề môi trường hiện nay cũng như biết cách quản lý, khai thác, sử dụng tối ưu nguồn tài nguyên thiên nhiên ở hiện tại và trong tương lai.

3.22. SMT2001 - Lịch sử học thuyết kinh tế (History of economic theories)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế giới thiệu lịch sử hình thành và nội dung cơ bản của các lý thuyết kinh tế của các trường phái lý luận kinh tế, các nhà kinh tế học tiêu biểu trong thời kỳ hình thành của khoa học kinh tế: trường phái Trọng Thương; với thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh: trường phái Trọng Nông, Kinh tế học cổ điển, hậu cổ điển, tân cổ điển; với thời kỳ chủ nghĩa tư bản hiện đại: trường phái Keynes, chủ nghĩa tự do mới, kinh tế học trường phái chính hiện đại; các lý thuyết kinh tế phi tư sản: kinh tế học tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội không tưởng, kinh tế học Mác - Lênin và một số các lý thuyết tiêu biểu về tăng trưởng và phát triển kinh tế.

3.23. ACC1002 - Nhập môn kế toán (Introduction to accounting)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: MGT1001 - Kinh tế vi mô

Kế toán nhằm cung cấp thông tin tài chính phục vụ cho việc ra quyết định của tổ chức. Hiểu biết và áp dụng những kiến thức căn bản của kế toán tổ chức không chỉ có ý nghĩa đối với người học mà cho các bên có liên quan. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ghi nhận và trình bày thông tin kế toán. Học phần nhấn mạnh đến các bước cơ bản của quy trình kế toán, từ nhận diện và ghi nhận giao dịch kinh doanh đến tổng hợp và báo cáo thông tin trong báo cáo tài chính. Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức cơ bản về kế toán để làm nền tảng nghiên cứu các môn học kế toán tiếp theo.

3.24. ECO2001 - Quản lý nhà nước về kinh tế (State's economic management)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 - Kinh tế vĩ mô

Học phần cung cấp kiến thức để người học hiểu được bản tay hữu hình của nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân như thế nào. Nội dung học phần đi sâu vào những khái niệm và mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế, nguyên tắc và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế, chức năng và phương pháp quản lý của nhà nước về kinh tế, thông tin và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế.

3.25. BAN2001 - Tài chính công (Public finance)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 - Kinh tế vĩ mô

Môn học tập trung nghiên cứu vai trò của chính phủ nói chung và vai trò của tài chính công nói riêng trong việc tạo lập một thị trường tự do cạnh tranh và khắc phục các khuyết tật của thị trường; qua đó khai thác, phân bổ và sử dụng hợp lý các nguồn lực nhằm tạo ra sự hiệu quả kinh tế nhưng vẫn đảm bảo công bằng trong xã hội. Kiến thức cơ bản bao gồm: hiệu quả và công bằng, ngoại tác, hàng hóa công và chi tiêu công, phân tích lợi ích – chi phí của dự án công và sự tác động của thuế đến nền kinh tế.

3.26. STA2002 - Thống kê kinh doanh và kinh tế (Statistics for business and economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần nhằm cung cấp cho học viên một cách có hệ thống kiến thức và kỹ năng về việc ứng dụng các phương pháp thống kê nhằm thu thập, tổ chức, trình bày, phân tích và diễn giải dữ liệu về các hiện tượng kinh tế và kinh doanh. Các chủ đề của học phần bao gồm: giới thiệu các ứng dụng của thống kê và các thuật ngữ chuyên môn; mô tả dữ liệu chéo; biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên; lấy mẫu và ước lượng các tham số của tổng thể từ dữ liệu mẫu; kiểm định các giả thuyết về tổng thể; phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng, phân tích dữ liệu thời gian và dự đoán, phương pháp tính các chỉ số, phân tích phương sai trên các mô hình thiết kế thực nghiệm. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng công nghệ thông tin trong phân tích dữ liệu kinh doanh và kinh tế.

3.27. ENG3005 - Tiếng anh trong kinh tế (English for economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Tiếng Anh trong Kinh tế là môn tiếng Anh tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ phù hợp cho sinh viên ở trình độ trung cấp. Học phần này bao quát những khái niệm ngôn ngữ cơ bản về cấu trúc, hoạt động của một nền kinh tế như các chỉ số kinh tế, các ngành kinh tế, chu kỳ kinh tế; các kiến thức về cơ cấu doanh nghiệp, hoạt động đầu tư của doanh nghiệp. Qua đó giúp người học có thể diễn đạt và thảo luận các ý nghĩa này bằng tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên còn có cơ hội thực hành các kỹ năng nghe, nói: mô tả xu hướng tăng trưởng, điều hành và tham gia hội họp. Đặc biệt, học phần này còn hướng dẫn người học cách viết báo cáo tài chính và báo cáo tổng quát.

3.28. ECO3002 - Dự báo phát triển kinh tế - xã hội (Social and economic development forecast)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về khoa học dự báo nói chung và dự báo phát triển kinh tế-xã hội nói riêng. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nội dung chủ yếu sau: Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, bản chất, chức năng, cơ sở khoa học của dự báo, các nguyên tắc trong dự báo. Trọng tâm học phần là nghiên cứu các phương pháp dự báo: Phương pháp ngoại suy xu thế, phương pháp chỉ số mùa vụ, phương pháp mô hình hóa, phương pháp chuyên gia...với sự hỗ trợ công cụ và ứng dụng của các phần mềm để thực hiện dự báo. Đồng thời sử dụng các phương pháp cơ bản kết hợp với các phương pháp dự báo đặc thù để dự báo cho những đối tượng kinh tế cụ thể như: Dự báo thị trường, dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, dự báo các nguồn lực tăng trưởng (Dân số và lao động, vốn đầu tư, tiến bộ khoa học - công nghệ..).

3.29. ECO3003 - Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược (Game theory and principle of strategy)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: MAT1001 – Toán ứng dụng trong kinh tế

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược, cách mô tả, mô hình hóa các vấn đề kinh tế thông qua ngôn ngữ của lý thuyết trò chơi. Học phần đề cập đến các nội dung chủ yếu sau: 1) Các yếu tố cơ bản của trò chơi: người chơi, chiến lược, kết cục..., 2) Khái niệm về các trò chơi điển hình: trò chơi đồng thời, trò chơi tuần tự, trò chơi Bayes, 3) Khái niệm cân bằng trong lý thuyết trò chơi: cân bằng Nash chiến lược thuần, cân bằng Nash chiến lược hỗn hợp, cân bằng Nash Bayes, 4) Các ứng dụng của lý thuyết trò chơi thông qua các tình huống cụ thể.

3.30. MGT2001 - Kinh tế vi mô nâng cao

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Mục tiêu của học phần, giúp người học vận dụng những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng vào thực tiễn. Nội dung học phần nghiên cứu về việc vận dụng quy luật cung- cầu trong cơ chế thị trường, giới thiệu về thị trường nguồn lực và xem xét ngoại ứng xảy ra trong thị trường. Quyết định lựa chọn trong điều kiện bất định, phối hợp nghiên cứu mô hình kinh tế trong cân bằng tổng thể và tập trung nghiên cứu lý thuyết trò chơi.

3.31. ECO3001 - Kinh tế vĩ mô nâng cao (Advanced macroeconomics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế vĩ mô

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức mở rộng và sâu hơn về kinh tế học vĩ mô. Bao gồm: 1) Các biến số vĩ mô chủ yếu như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, thất nghiệp... và mối quan hệ giữa chúng; 2) Cách thức xã hội huy động, phân bổ các nguồn lực vốn và lao động để tạo ra sản lượng và phân phối thu nhập cho các yếu tố sản xuất. 3) Quá trình tích lũy vốn tư bản và tác động của việc gia tăng dân số, thay đổi công nghệ đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn; 4) Lý giải về tổng cung ngắn hạn và dài hạn. 5) Mô hình của nền kinh tế đóng trong sự tương tác giữa thị trường hàng hoá và thị trường tiền tệ. 6) Mô hình của nền kinh tế mở trong sự tương tác giữa thị trường hàng hoá, thị trường tiền tệ và thị trường vốn quốc tế. 7) Quá trình tự điều chỉnh của nền kinh tế trong ngắn hạn, dài hạn khi có tác động của các cú sốc cung và cú sốc cầu. 8) Tác động của các chính sách vĩ mô đối với nền kinh tế trong ngắn hạn khi có sự tương tác giữa thị trường hàng hoá, thị trường tiền tệ và thị trường vốn quốc tế.

3.32. STA3001 - Kinh tế lượng (Econometrics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Toán ứng dụng trong kinh tế

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của phân tích hồi qui nhằm nghiên cứu mối quan hệ giữa các biến kinh tế và kinh doanh. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Phương pháp luận kinh tế lượng, mô hình hồi qui và các kỹ thuật ước lượng, phân tích và dự báo trên cơ sở mô hình hồi qui một phương trình theo các dạng khác nhau. Các vấn đề vi phạm giả thiết có thể gặp phải trong mô hình hồi qui: Bản chất, nguyên nhân, hậu quả, cách phát hiện và biện pháp khắc phục. Kiểm định và lựa chọn mô hình kinh tế lượng tốt nhất hỗ trợ một cách có hiệu quả trong việc

ra quyết định quản lý ở tầm vĩ mô và vi mô. Ngoài ra học phần còn giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng trong kinh tế lượng.

❖ **Chuyên ngành Kinh tế phát triển:**

3.33. ECO2021 - Dân số và phát triển (Population and development)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần dân số và phát triển kinh tế là một môn khoa học xã hội với hai nội dung cơ bản: Thứ nhất là những kiến thức cơ bản về dân số học với việc nghiên cứu các động thái của quá trình dân số do tác động của sự kiện sinh, chết và di dân; thứ hai là mối quan hệ giữa dân số và phát triển nghiên cứu các mối quan hệ giữa dân số và phát triển. Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về dân số và phát triển, giúp sinh viên hiểu và nắm được bản chất và nguyên lý cơ bản của quá trình vận động dân số trong quá trình phát triển. Sinh viên cũng tìm hiểu vấn đề giữa quá trình dân số và phát triển thông qua phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề thực tiễn một cách khoa học.

3.34. ECO3015 - Kinh tế đầu tư (Business investment)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 – Kinh tế vĩ mô

Học phần trang bị những kiến thức có liên quan đến hoạt động đầu tư phát triển để cho sinh viên hiểu về đầu tư phát triển khác biệt với các hoạt động đầu tư khác. Học phần đi sâu giải thích những vấn đề căn bản như phương pháp xây dựng kế hoạch, quản lý các hoạt động đầu tư, phương pháp đánh giá lựa chọn các phương án kỹ thuật-công nghệ, phương pháp phân tích đánh giá hiệu quả về mặt tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu tư, nội dung của dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định giá bất động sản và đấu thầu.

3.35. STA3007 - Phân tích và trực quan dữ liệu (Data analysis and visualization)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Thống kê kinh tế và kinh doanh

Học phần nhằm giúp cho sinh viên xác định, đánh giá, lựa chọn và thực hiện thành thạo những thủ tục tính toán các phương pháp phân tích thống kê nhằm giải quyết những bài toán phân tích dữ liệu trong thực tiễn. Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung sau: Tổng quan về phân tích và trực quan dữ liệu, quản trị dữ liệu; kiểm định giả thuyết, một số phương pháp phân tích như phân tích hồi qui, phân tích phương sai và hiệp phương sai, phân tích nhân tố. Trong mỗi nội dung sẽ trình bày những tình huống phân tích và trực quan, giới thiệu những phương pháp thống kê phù

hợp, chỉ rõ nguồn dữ liệu và đặc trưng của nguồn dữ liệu, quản trị nguồn dữ liệu, qui trình phân tích và trực quan dữ liệu dựa vào công nghệ thông tin phù hợp và giải thích kết quả hỗ trợ ra quyết định. Học phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng công nghệ thông tin để thu thập, phân tích và trực quan dữ liệu.

3.36. ECO3019 - Phương pháp định lượng trong kinh tế (Quantitative methods in economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: MAT1001 - Toán ứng dụng trong kinh tế

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản của lý thuyết quá trình ra quyết định và các mô hình toán học ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung học phần cung cấp các phương pháp phân tích và nghiên cứu định lượng khác nhau: Qui hoạch tuyến tính, Mô hình mạng, Điều hành dự án bằng sơ đồ PERT/CPM, Mô hình hàng chờ; và các phần mềm để sinh viên có thể ứng dụng trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế đa dạng.

3.37. BAN3020 - Tài chính phát triển (Development finance)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 - Kinh tế vĩ mô

Học phần này sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản như sau: Giới thiệu về hệ thống tài chính; Mối quan hệ giữa tài chính và phát triển kinh tế; Khủng hoảng tài chính: lý thuyết về khủng hoảng tài chính, mối quan hệ giữa khủng hoảng tài chính và khủng hoảng kinh tế; vai trò của chính phủ và các bài học lịch sử về khủng hoảng tài chính; Sự can thiệp của nhà nước vào hệ thống tài chính nhằm xây dựng được hệ thống tài chính vận hành hiệu quả, thông qua nghiên cứu các khía cạnh như: Quá trình chuyển biến giữa các hình thức của hệ thống tài chính như áp chế tài chính và tự do hóa tài chính; sự can thiệp vào các thành tố của hệ thống tài chính; các bài học lịch sử về thất bại/thành công của can thiệp nhà nước vào hệ thống tài chính; Các vấn đề tài chính phát triển quốc tế: tự do hóa và toàn cầu hóa tài chính; chu chuyển vốn quốc tế; các vấn đề liên quan đến quy tắc quản lý và giám sát của các tổ chức quốc tế.

3.38. ECO3039 - Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (Social economic development strategy)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản phục vụ cho việc hoạch định, vận dụng chiến lược phát triển kinh tế xã hội vào quá trình hoạch định chính sách của chính quyền địa phương cũng như chiến lược hoạt động của tổ

chức doanh nghiệp. Học phần đề cập các chủ đề chủ yếu sau đây: những phân tích, đánh giá và lựa chọn về các căn cứ của chiến lược; các quan điểm phát triển; các mục tiêu chiến lược; những định hướng phát triển chủ yếu trong các lĩnh vực của đời sống của đất nước; các giải pháp cơ bản mà chủ yếu là các chính sách về cơ cấu kinh tế và vận hành hệ thống kinh tế- xã hội; và các chính sách huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực để thực hiện chiến lược và biện pháp tổ chức thực hiện.

3.39. ECO3007 - Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội (Social economic development plan)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức để có thể tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cho địa phương. Học phần đề cập các chủ đề chủ yếu sau đây (i) Bản chất, các chức năng và nguyên tắc của hệ thống kế hoạch trong nền kinh tế thị trường; (ii) quy trình chung cùng với các công cụ hỗ trợ công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; (iii) Cách thức xây dựng bản kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; (iv) Cách thức tổ chức và theo dõi đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.

3.40. ECO3004 - Kinh tế phát triển nâng cao (Advanced economic development)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế phát triển

Môn học sẽ tiếp tục cung cấp các kiến thức về tăng trưởng và phát triển kinh tế chuyên sâu. Các vấn đề, lĩnh vực then chốt về phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại quốc tế trong tiến trình tăng trưởng - phát triển kinh tế và giải quyết các mối quan hệ giữa tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội.

3.41. ECO3020 - Kinh tế vùng (Regional economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế phát triển

Học phần trang bị những kiến thức để cho sinh viên hiểu được những vấn đề kinh tế cần giải quyết trong một vùng nhằm thúc đẩy sự phát triển của vùng đó. Trong đó học phần sử dụng các lý thuyết và công cụ phân tích kinh tế để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về vùng như định hướng không gian của doanh nghiệp và các ngành, sự phân công lao động theo lãnh thổ, tăng trưởng kinh tế vùng và năng lực cạnh tranh của vùng, quy hoạch xây dựng vùng và các chính sách liên quan đến kinh tế vùng.

3.42. ECO3035 - Kinh tế nguồn nhân lực (Human resource economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực, vận dụng các kiến thức của môn học để phân tích và đánh giá nguồn nhân lực nhằm giúp người học xây dựng các chính sách liên quan. Học phần đề cập các vấn đề cụ thể sau đây: (1) Nghiên cứu cung lao động trong việc xem xét cách thức phân bổ thời gian làm việc của người lao động trong các giai đoạn của cuộc sống; (2) Nghiên cứu cầu lao động trong việc xem xét quyết định thuê lao động ngắn hạn và dài hạn; (3) Cách thức thị trường “cân bằng” những mâu thuẫn về quyền lợi trong việc kết hợp các quyết định cung ứng của người lao động với các quyết định cầu của người sử dụng lao động; (4) Mở rộng và khái quát hóa kiến thức cung cầu lao động cơ bản này nhằm giải thích việc đầu tư vào nguồn vốn nhân lực sẽ xác định sự phân phối tiền lương của nền kinh tế, và sự di chuyển lao động trong nội tại một quốc gia và thế giới.

3.43. ECO3029 - Kinh tế số (Digital economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế vĩ mô

Học phần kinh tế số cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các mô hình lý thuyết, một số cách đo lường về kinh tế số và những ảnh hưởng của kinh tế số đến các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Đồng thời, học phần giúp người học tìm hiểu kinh nghiệm phát triển kinh tế số và ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) của Việt Nam và các nước khác thế giới. Học phần giúp sinh viên đánh giá được tác động trực tiếp và gián tiếp của ngành kinh tế số tới tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam và tìm hiểu về các giải pháp nâng cao hiệu quả của nền kinh tế số.

3.44. ECO3005 - Phân tích kinh tế - xã hội (Social economic analysis)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần giới thiệu cho người học những kiến thức để tiến hành phân tích các hoạt động kinh tế ở tầm vĩ mô. Học phần đề cập các chủ đề chủ yếu sau đây: (i) các nguyên tắc và phương pháp sử dụng trong phân tích vĩ mô; (ii) phân tích các chủ đề về phát triển kinh tế; (iii) phân tích các chủ đề về phát triển xã hội; (iv) cách thức trình bày báo cáo phân tích.

3.45. MIS3024 - Chính phủ điện tử (E - Government)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về Chính phủ Điện tử, lộ trình chung phát triển các dự án Chính phủ Điện tử và các công nghệ hỗ trợ cho các hệ thống Chính phủ Điện tử.

Học phần cũng giúp cho người học nắm được các xu thế công nghệ đang được các hệ thống Chính phủ Điện tử áp dụng và hướng tới. Ngoài ra, học phần còn giúp cho người học biết được tình hình triển khai Chính phủ Điện tử của các quốc gia trên thế giới thông qua nghiên cứu các tình huống."

3.46. ECO3028 - Chính sách công (Public policy)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế vĩ mô

Học phần trang bị những kiến thức để cho sinh viên hiểu được các chính sách công mà nhà nước cần áp dụng trong nền kinh tế quốc dân để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội. Học phần đi sâu giải thích những chính sách công quan trọng như chính sách tài chính và chính sách tiền tệ -tín dụng; chính sách khoa học-công nghệ và chính sách cơ cấu kinh tế; chính sách lao động và chính sách việc làm; chính sách văn hóa và chính sách thông tin truyền thông; chính sách y tế và chính sách giáo dục - đào tạo; chính sách kinh tế đối ngoại và chính sách an ninh quốc phòng.

3.47. ECO3001 - Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội (Social - economic development program and project)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế vĩ mô nâng cao

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sản phẩm công tác hoạch định của Nhà nước trong từng thời kỳ: Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, Quy hoạch phát triển kinh-xã hội, Chương trình và dự án phát triển kinh tế-xã hội. Sinh viên được giới thiệu một số vấn đề cơ bản về chương trình và dự án phát triển kinh tế-xã hội gồm: Tổng quan về chương trình và dự án phát triển kinh tế- xã hội; Chương trình phát triển kinh tế-xã hội; Dự án và Chu kỳ dự án phát triển kinh tế- xã hội; Tính khả thi của dự án phát triển kinh tế-xã hội; Tổ chức thực hiện dự án phát triển kinh tế- xã hội; tài trợ cho chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội; đánh giá, giám sát trước và sau khi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội.

3.48. ECO3033 - Đầu tư quốc tế và phát triển (International investment)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Đầu tư quốc tế và phát triển nghiên cứu sự dịch chuyển vốn từ quốc gia này sang quốc gia khác để thực hiện các dự án đầu tư nhằm tối đa hóa lợi ích cho các bên tham gia. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về hoạt động đầu tư quốc tế và quá trình thúc đẩy tăng trưởng nhất là đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Bao gồm: những nội dung cơ bản của hoạt động đầu tư nước ngoài, các hình thức đầu tư và hiệp định đầu tư quốc tế; các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư; phân tích chi phí cho từng loại vốn đầu tư nước ngoài; cơ chế tác động của các chính sách tới hoạt động đầu tư nước ngoài ở Việt Nam. Bên cạnh đó học phần giúp sinh viên có thể đánh giá thực trạng đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

3.49. STA3002 - Hệ thống

tài khoản quốc gia (System of national accounts)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế vĩ mô; Toán cao cấp và ứng dụng trong kinh tế

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia SNA, sự luân chuyển của giá trị và hiện vật trong nền kinh tế; các mối quan hệ kinh tế chủ yếu giữa các bộ phận trong nền kinh tế và giữa nền kinh tế với nước ngoài. Sinh viên sẽ được giới thiệu về lịch sử phát triển, các phạm trù cơ bản và nguyên tắc hạch toán trong từng tài khoản thuộc SNA. Sinh viên hiểu rõ mục đích thiết lập, cấu tạo, nội dung và các chỉ tiêu cân đối của dãy tài khoản kinh tế tích hợp và bảng Input-Output, hướng phân tích kinh tế từ các tài khoản. Các ứng dụng cơ bản của bảng I/O trong công tác lập kế hoạch và phân tích kinh tế cũng được giới thiệu trong học phần này. Hơn nữa, học phần còn rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng nghề nghiệp trong phân tích dữ liệu vĩ mô.

3.50. ECO3002 - Phát triển nông thôn (Rural development)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần Phát triển nông thôn được thiết kế với mục tiêu cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về nông thôn và phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn, các ngành kinh tế cơ bản của nông thôn (nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, thương mại dịch vụ nông thôn), làm rõ bản chất, vai trò của mỗi ngành, sự phát triển chủ yếu của chúng; vai trò của nhà nước trong sự phát triển những ngành kinh tế ở nông thôn... các vấn đề về phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, những vấn đề xã hội ở nông thôn... học phần giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc phát triển nông thôn trong tiến

trình phát triển của quốc gia. Từ đó có thể vận dụng kiến thức để nghiên cứu phát triển nông thôn trong thực tiễn một cách khoa học.

3.51. RMD3001 - Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research methodology)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phương pháp NCKH trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế nghiên cứu, chọn mẫu, sử dụng công cụ thống kê và trình bày kết quả thống kê. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

3.52. ECO3026 - Quản lý công (Public management)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về vai trò của các tổ chức trong khu vực công, bao gồm các cơ quan từ cấp trung ương đến địa phương cũng như các thành phần trong nền kinh tế,... trong việc cung ứng hàng hóa và dịch vụ công. Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản, trang bị những kỹ năng cần thiết,; đồng thời giúp định hướng thái độ của sinh viên đối với lĩnh vực quản lý công bao gồm: các nguyên lý và cách thức quản lý khu vực công; vận dụng trong quản lý các lĩnh vực cụ thể của khu vực công. Đồng thời xem xét và đánh giá các mô hình quản lý công, cũng như quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược của tổ chức nhằm đạt được sự phát triển trong công tác quản lý của khu vực công.

❖ **Chuyên ngành Kinh tế và quản lý công:**

3.33. ECO3019 - Phương pháp định lượng trong kinh tế (Quantitative methods in economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: MAT1001 - Toán ứng dụng trong kinh tế

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản của lý thuyết quá trình ra quyết định và các mô hình toán học ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung học phần cung cấp các phương pháp phân tích và nghiên cứu định lượng khác nhau: Quy hoạch tuyến tính, Mô hình mạng, Điều hành dự án bằng sơ đồ PERT/CPM, Mô hình hàng chờ; và các phần mềm để sinh viên có thể ứng dụng trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế đa dạng.

3.34. ECO3029 - Kinh tế số (Digital economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 – Kinh tế vĩ mô

Học phần kinh tế số cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các mô hình lý thuyết, một số cách đo lường về kinh tế số và những ảnh hưởng của kinh tế số đến các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Đồng thời, học phần giúp người học tìm hiểu kinh nghiệm phát triển kinh tế số và ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) của Việt Nam và các nước khác thế giới. Học phần giúp sinh viên đánh giá được tác động trực tiếp và gián tiếp của ngành kinh tế số tới tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam và tìm hiểu về các giải pháp nâng cao hiệu quả của nền kinh tế số.

3.35. ECO3033 - Đầu tư quốc tế và phát triển (International Investment and Development)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Đầu tư quốc tế và phát triển nghiên cứu sự dịch chuyển vốn từ quốc gia này sang quốc gia khác để thực hiện các dự án đầu tư nhằm tối đa hóa lợi ích cho các bên tham gia. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về hoạt động đầu tư quốc tế và quá trình thúc đẩy tăng trưởng nhất là đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Bao gồm: những nội dung cơ bản của hoạt động đầu tư nước ngoài, các hình thức đầu tư và hiệp định đầu tư quốc tế; các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư; phân tích chi phí cho từng loại vốn đầu tư nước ngoài; cơ chế tác động của các chính sách tới hoạt động đầu tư nước ngoài ở Việt Nam. Bên cạnh đó học phần giúp sinh viên có thể đánh giá thực trạng đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

3.36. STA3013 - Phân tích và trực quan dữ liệu (Data analysis and visualization)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: STA2002 - Thông kê kinh doanh và kinh tế

Học phần nhằm giúp cho sinh viên xác định, đánh giá, lựa chọn và thực hiện thành thạo những thủ tục tính toán các phương pháp phân tích thống kê nhằm giải quyết những bài toán phân tích dữ liệu trong thực tiễn. Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung sau: Tổng quan về phân tích và trực quan dữ liệu, quản trị dữ liệu; kiểm định giả thuyết, một số phương pháp phân tích như phân tích hồi qui, phân tích phương sai và hiệp phương sai, phân tích nhân tố. Trong mỗi nội dung sẽ trình bày những tình huống phân tích và trực quan, giới thiệu những phương pháp thống kê phù hợp, chỉ rõ nguồn dữ liệu và đặc trưng của nguồn dữ liệu, quản trị nguồn dữ liệu, qui

trình phân tích và trực quan dữ liệu dựa vào công nghệ thông tin phù hợp và giải thích kết quả hỗ trợ ra quyết định. Học phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng công nghệ thông tin để thu thập, phân tích và trực quan dữ liệu.

3.37. FIN2001 - Thị trường và các định chế tài chính (Financial markets and institutions)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 - Kinh tế vĩ mô; MGT1001 - Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, bao gồm thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu và thị trường công cụ tài chính phái sinh. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu đến người học các định chế tài chính, bao gồm ngân hàng thương mại và các định chế tài chính phi ngân hàng. Ngoài ra, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lãi suất - một yếu tố quan trọng của thị trường tài chính và kiến thức cơ bản về hoạt động của ngân hàng trung ương.

3.38. LAW2007 - Luật hành chính (Administrative law)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: LAW2006 - Luật hiến pháp

Quản lý hành chính là một trong những hoạt động cơ bản, thiết yếu trong công tác quản lý nhà nước. Với mục tiêu cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và pháp lý liên quan đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước Việt Nam, học phần Luật Hành chính được thiết kế hướng đến nghiên cứu các vấn đề chính về: Những nội dung cơ bản của ngành Luật Hành chính; những vấn đề lý luận chung về quản lý hành chính nhà nước; quy chế pháp lý của cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức và các chủ thể có liên quan; cưỡng chế hành chính và kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước.

Học phần Luật Hành chính còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các học phần pháp lý chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai; Kỹ năng xây dựng văn bản pháp luật...

3.39. ECO3004 - Kinh tế phát triển nâng cao (Advanced economic development)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO2002 – Kinh tế phát triển

Môn học sẽ tiếp tục cung cấp các kiến thức về tăng trưởng và phát triển kinh tế chuyên sâu. Các vấn đề, lĩnh vực then chốt về phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại quốc tế trong tiến trình tăng trưởng - phát triển kinh tế và giải quyết các mối quan hệ giữa tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội.

3.40. ECO3005 - Phân tích kinh tế - xã hội (Social economic analysis)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần giới thiệu cho người học những kiến thức để tiến hành phân tích các hoạt động kinh tế ở tầm vĩ mô. Học phần đề cập các chủ đề chủ yếu sau đây: (i) các nguyên tắc và phương pháp sử dụng trong phân tích vĩ mô; (ii) phân tích các chủ đề về phát triển kinh tế; (iii) phân tích các chủ đề về phát triển xã hội; (iv) cách thức trình bày báo cáo phân tích.

3.41. ECO3028 - Chính sách công (Public policy)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 – Kinh tế vĩ mô

Học phần trang bị những kiến thức để cho sinh viên hiểu được các chính sách công mà nhà nước cần áp dụng trong nền kinh tế quốc dân để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội. Học phần đi sâu giải thích những chính sách công quan trọng như chính sách tài chính và chính sách tiền tệ - tín dụng; chính sách khoa học-công nghệ và chính sách cơ cấu kinh tế; chính sách lao động và chính sách việc làm; chính sách văn hóa và chính sách thông tin truyền thông; chính sách y tế và chính sách giáo dục - đào tạo; chính sách kinh tế đối ngoại và chính sách an ninh quốc phòng.

3.42. ECO3014 - Kinh tế công nâng cao (Public economics II)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO2004 – Kinh tế công

Học phần Kinh tế công nâng cao được thiết kế để cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu và mở rộng về vai trò của khu vực công trong nền kinh tế. Nội dung học phần đi sâu vào các cơ sở lý thuyết và vấn đề thực tiễn về phương thức huy động nguồn thu từ thuế; phương thức phân bổ ngân sách thông qua chi tiêu công và đầu tư công; cung cấp dịch vụ công dịch vụ công; hệ thống an sinh xã hội và các chính sách an sinh xã hội; các vai trò và mối quan hệ ngân sách giữa các cấp chính quyền.

3.43. ECO3026 - Quản lý công (Public management)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về vai trò của các tổ chức trong khu vực công, bao gồm các cơ quan từ cấp trung ương đến địa phương cũng như các thành phần trong nền kinh tế,... trong việc cung ứng hàng hóa và dịch vụ công. Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản, trang bị những

kỹ năng cần thiết,; đồng thời giúp định hướng thái độ của sinh viên đối với lĩnh vực quản lý công bao gồm: các nguyên lý và cách thức quản lý khu vực công; vận dụng trong quản lý các lĩnh vực cụ thể của khu vực công. Đồng thời xem xét và đánh giá các mô hình quản lý công, cũng như quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược của tổ chức nhằm đạt được sự phát triển trong công tác quản lý của khu vực công.

3.44. MIS3024 - Chính phủ điện tử (E – Government)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về Chính phủ Điện tử, lộ trình chung phát triển các dự án Chính phủ Điện tử và các công nghệ hỗ trợ cho các hệ thống Chính phủ Điện tử.

Học phần cũng giúp cho người học nắm được các xu thế công nghệ đang được các hệ thống Chính phủ Điện tử áp dụng và hướng tới. Ngoài ra, học phần còn giúp cho người học biết được tình hình triển khai Chính phủ Điện tử của các quốc gia trên thế giới thông qua nghiên cứu các tình huống.

3.45. ECO3035 - Kinh tế nguồn nhân lực (Human resource economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực, vận dụng các kiến thức của môn học để phân tích và đánh giá nguồn nhân lực nhằm giúp người học xây dựng các chính sách liên quan. Học phần đề cập các vấn đề cụ thể sau đây: (i) Nghiên cứu cung lao động trong việc xem xét cách thức phân bổ thời gian làm việc của người lao động trong các giai đoạn của cuộc sống; (ii) Nghiên cứu cầu lao động trong việc xem xét quyết định thuê lao động ngắn hạn và dài hạn; (iii) Cách thức thị trường “cân bằng” những mâu thuẫn về quyền lợi trong việc kết hợp các quyết định cung ứng của người lao động với các quyết định cầu của người sử dụng lao động; (iv) Mở rộng và khái quát hóa kiến thức cung cầu lao động cơ bản này nhằm giải thích việc đầu tư vào nguồn vốn nhân lực sẽ xác định sự phân phối tiền lương của nền kinh tế, và sự di chuyển lao động trong nội tại một quốc gia và thế giới.

3.46. ECO3016 - Thẩm định dự án đầu tư (Investment project appraisal)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: BAN2001 – Tài chính công

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về vai trò cũng như ứng dụng của quá trình thẩm định đối với các dự án đầu tư trong thực tiễn: từ thẩm định cơ sở pháp lý, thị trường, kỹ thuật, tài chính đến hiệu quả kinh tế xã hội

mà dự án mang lại. Sinh viên được giới thiệu và tìm hiểu những kiến thức cơ bản về quy trình thẩm định dự án đầu tư bao gồm: mục đích, các quan điểm, các phương pháp thẩm định dự án đầu tư; đồng thời cho thấy sự khác biệt giữa việc cách tiếp cận của dự án đầu tư khu vực công và đầu tư khu vực tư nhân.; xem xét đánh giá chi phí cơ hội kinh tế của vốn công; chi phí kinh tế cơ hội của lao động sử dụng cho dự án.

3.47. ECO3020 - Kinh tế vùng (Regional Economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO2002 – Kinh tế phát triển

Học phần trang bị những kiến thức để cho sinh viên hiểu được những vấn đề kinh tế cần giải quyết trong một vùng nhằm thúc đẩy sự phát triển của vùng đó. Trong đó học phần sử dụng các lý thuyết và công cụ phân tích kinh tế để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về vùng như định hướng không gian của doanh nghiệp và các ngành, sự phân công lao động theo lãnh thổ, tăng trưởng kinh tế vùng và năng lực cạnh tranh của vùng, quy hoạch xây dựng vùng và các chính sách liên quan đến kinh tế vùng.

3.48. BAN3020 - Tài chính phát triển (Development finance)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 – Kinh tế vĩ mô

Học phần này sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản như sau: Giới thiệu về hệ thống tài chính; Mối quan hệ giữa tài chính và phát triển kinh tế; Khủng hoảng tài chính: lý thuyết về khủng hoảng tài chính, mối quan hệ giữa khủng hoảng tài chính và khủng hoảng kinh tế; vai trò của chính phủ và các bài học lịch sử về khủng hoảng tài chính; Sự can thiệp của nhà nước vào hệ thống tài chính nhằm xây dựng được hệ thống tài chính vận hành hiệu quả, thông qua nghiên cứu các khía cạnh như: Quá trình chuyển biến giữa các hình thức của hệ thống tài chính như áp chế tài chính và tự do hóa tài chính; sự can thiệp vào các thành tố của hệ thống tài chính; các bài học lịch sử về thất bại/thành công của can thiệp nhà nước vào hệ thống tài chính; Các vấn đề tài chính phát triển quốc tế: tự do hóa và toàn cầu hóa tài chính; chu chuyển vốn quốc tế; các vấn đề liên quan đến quy tắc quản lý và giám sát của các tổ chức quốc tế.

3.49. RMD3001 - Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research methodology)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phương pháp NCKH trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế nghiên cứu, chọn mẫu,

sử dụng công cụ thống kê và trình bày kết quả thống kê. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

3.50. SMT3027 - Hành chính công (Public administration)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hành chính công, hoạt động kiểm soát đối với nền hành chính công, đi sâu phân tích ba yếu tố cấu thành nền hành chính công, trên cơ sở đó, hướng dẫn người học cách thức vận dụng những kiến thức này vào nền hành chính công Việt Nam. Người học sẽ được cung cấp những nội dung chủ yếu sau: Lý luận chung về hành chính công, thể chế nền hành chính nhà nước, kiểm soát đối với nền hành chính nhà nước, công vụ, công chức, quản lý tài chính công và ngân sách công.

3.51. ECO3002 - Dân số và phát triển (Population and development)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần dân số và phát triển kinh tế là một môn khoa học xã hội với hai nội dung cơ bản: Thứ nhất là những kiến thức cơ bản về dân số học với việc nghiên cứu các động thái của quá trình dân số do tác động của sự kiện sinh, chết và di dân; thứ hai là mối quan hệ giữa dân số và phát triển nghiên cứu các mối quan hệ giữa dân số và phát triển. Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về dân số và phát triển, giúp sinh viên hiểu và nắm được bản chất và nguyên lý cơ bản của quá trình vận động dân số trong quá trình phát triển. Sinh viên cũng tìm hiểu vấn đề giữa quá trình dân số và phát triển thông qua phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề thực tiễn một cách khoa học.

3.52. SMT3024 - Quan hệ công chúng và giao tiếp công vụ (public relations and communications public service)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO2001 - Quản lý nhà nước về kinh tế; SMT3024 – Hành chính công

Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng và giao tiếp công vụ, trên cơ sở đó, hướng dẫn cho người học cách thức vận dụng kiến thức về PR, giao tiếp công vụ vào các tình huống thực tiễn liên quan; vận dụng các chức năng, hình thức giao tiếp công vụ vào hoạt động thực thi công vụ; vận dụng kiến thức PR trong hoạt động Chính phủ để viết thông cáo báo chí liên quan. Người học sẽ được cung cấp những nội dung chủ yếu sau: Lịch sử hình thành và phát

triển của quan hệ công chúng, bản chất, nội dung và những bước cơ bản của khoa học quan hệ công chúng; chức năng của quan hệ công chúng; PR trong hoạt động của Chính phủ; bản chất của hoạt động giao tiếp công vụ, cấu trúc của quá trình giao tiếp công vụ, các chức năng cơ bản của giao tiếp, các hình thức giao tiếp và vai trò của giao tiếp trong thực thi công vụ.

❖ **Chuyên ngành Kinh tế đầu tư:**

3.33. ECO3019 - Phương pháp định lượng trong kinh tế (Quantitative methods in economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: MAT1001 - Toán ứng dụng trong kinh tế

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản của lý thuyết quá trình ra quyết định và các mô hình toán học ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung học phần cung cấp các phương pháp phân tích và nghiên cứu định lượng khác nhau: Quy hoạch tuyến tính, Mô hình mạng, Điều hành dự án bằng sơ đồ PERT/CPM, Mô hình hàng chờ; và các phần mềm để sinh viên có thể ứng dụng trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế đa dạng.

3.34. ECO3029 – Kinh tế số (Digital economics)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế vĩ mô

Học phần kinh tế số cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các mô hình lý thuyết, một số cách đo lường về kinh tế số và những ảnh hưởng của kinh tế số đến các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Đồng thời, học phần giúp người học tìm hiểu kinh nghiệm phát triển kinh tế số và ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) của Việt Nam và các nước khác thế giới. Học phần giúp sinh viên đánh giá được tác động trực tiếp và gián tiếp của ngành kinh tế số tới tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam và tìm hiểu về các giải pháp nâng cao hiệu quả của nền kinh tế số.

3.35. ECO3033 - Đầu tư quốc tế và phát triển (International Investment and Development)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ.

Học phần điều kiện học trước: Không

Đầu tư quốc tế và phát triển nghiên cứu sự dịch chuyển vốn từ quốc gia này sang quốc gia khác để thực hiện các dự án đầu tư nhằm tối đa hóa lợi ích cho các bên tham gia. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về hoạt động đầu tư quốc tế và quá trình thúc đẩy tăng trưởng nhất là đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Bao gồm: những nội dung cơ bản của hoạt động đầu tư nước ngoài, các

hình thức đầu tư và hiệp định đầu tư quốc tế; các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư; phân tích chi phí cho từng loại vốn đầu tư nước ngoài; cơ chế tác động của các chính sách tới hoạt động đầu tư nước ngoài ở Việt Nam. Bên cạnh đó học phần giúp sinh viên có thể đánh giá thực trạng đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

3.36. STA3007 - Phân tích và trực quan dữ liệu (Data analysis and visualization)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Thống kê kinh tế và kinh doanh

Học phần nhằm giúp cho sinh viên xác định, đánh giá, lựa chọn và thực hiện thành thạo những thủ tục tính toán các phương pháp phân tích thống kê nhằm giải quyết những bài toán phân tích dữ liệu trong thực tiễn. Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung sau: Tổng quan về phân tích và trực quan dữ liệu, quản trị dữ liệu; kiểm định giả thuyết, một số phương pháp phân tích như phân tích hồi qui, phân tích phương sai và hiệp phương sai, phân tích nhân tố. Trong mỗi nội dung sẽ trình bày những tình huống phân tích và trực quan, giới thiệu những phương pháp thống kê phù hợp, chỉ rõ nguồn dữ liệu và đặc trưng của nguồn dữ liệu, quản trị nguồn dữ liệu, qui trình phân tích và trực quan dữ liệu dựa vào công nghệ thông tin phù hợp và giải thích kết quả hỗ trợ ra quyết định. Học phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng công nghệ thông tin để thu thập, phân tích và trực quan dữ liệu.

3.37. FIN2001 - Thị trường và các định chế tài chính (Financial markets and institutions)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 – Kinh tế vĩ mô; MGT1001 – Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các thành phần chủ yếu và mối quan hệ giữa các thành phần này trong hệ thống tài chính. Cụ thể, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức nền tảng về thị trường tài chính, bao gồm thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu và thị trường chứng khoán phái sinh. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu đến người học các định chế tài chính, bao gồm ngân hàng thương mại và các định chế tài chính phi ngân hàng. Ngoài ra, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lãi suất - một yếu tố quan trọng của thị trường tài chính và kiến thức cơ bản về hoạt động của ngân hàng trung ương.

3.38. ECO3015 - Kinh tế đầu tư (Business investment)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 – Kinh tế vĩ mô

Học phần trang bị những kiến thức có liên quan đến hoạt động đầu tư phát triển để cho sinh viên hiểu về đầu tư phát triển khác biệt với các hoạt động đầu tư khác. Học phần đi sâu giải thích những vấn đề căn bản như phương pháp xây dựng kế hoạch, quản lý các hoạt động đầu tư, phương pháp đánh giá lựa chọn các phương án kỹ thuật-công nghệ, phương pháp phân tích đánh giá hiệu quả về mặt tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu tư, nội dung của dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định giá bất động sản và đấu thầu.

3.39. ECO3016 - Thẩm định dự án đầu tư (Investment project appraisal)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: BAN2001 – Tài chính công

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về vai trò cũng như ứng dụng của quá trình thẩm định đối với các dự án đầu tư trong thực tiễn: từ thẩm định cơ sở pháp lý, thị trường, kỹ thuật, tài chính đến hiệu quả kinh tế xã hội mà dự án mang lại. Sinh viên được giới thiệu và tìm hiểu những kiến thức cơ bản về quy trình thẩm định dự án đầu tư bao gồm: mục đích, các quan điểm, các phương pháp thẩm định dự án đầu tư; đồng thời cho thấy sự khác biệt giữa việc cách tiếp cận của dự án đầu tư khu vực công và đầu tư khu vực tư nhân.; xem xét đánh giá chi phí cơ hội kinh tế của vốn công; chi phí kinh tế cơ hội của lao động sử dụng cho dự án.

3.40. ECO3017 - LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO3015 - Kinh tế đầu tư

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về việc xây dựng và trình bày một dự án đầu tư. Học phần đề cập đến các nội dung chủ yếu sau đây: 1) Bản chất và quy trình thiết lập một dự án đầu tư; 2) Các khía cạnh quan trọng cần được nghiên cứu, trình bày về một dự án đầu tư; 3) Các phương pháp nghiên cứu, phân tích các vấn đề liên quan đến hoạt động lập dự án đầu tư, cũng như vận dụng chúng vào trong thực tiễn.

3.41. ECO3018 - KỸ NĂNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động xúc tiến đầu tư. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm đầu tư; cách xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư; sử dụng các kỹ thuật, công cụ để thực hiện xúc tiến đầu tư hiệu quả, và các vấn đề cơ bản trong giám sát, đánh giá xúc tiến đầu tư. Đồng thời học phần hướng tới những ứng dụng thực tiễn trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu về thu hút dòng vốn đầu tư giữa các quốc gia, giữa các khu vực, và giữa các điểm đến đầu tư..

3.42. FIN3002 - ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: FIN2001 - Thị trường và các định chế tài chính

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về đầu tư tài chính, trên cơ sở đó có thể tiếp cận với quản trị đầu tư tài chính hiện đại. Người học sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về các lý thuyết đầu tư, hiểu được một cách toàn diện quan hệ rủi ro-lợi tức, các mô hình định giá tài sản tài chính cũng như nghiên cứu những phát triển gần đây trong quản trị danh mục đầu tư tài chính. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về các công cụ tài chính được sử dụng trong đầu tư và quản trị rủi ro.

3.43. MGT3004 - QUẢN TRỊ DỰ ÁN

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: MGT1002 - Quản trị học; ACC1001 - Nguyên lý kế toán

Giúp người học hiểu được những vấn đề chung về cách tiếp cận nghiên cứu quản trị dự án. Sinh viên biết được cách lựa chọn DA và cách thức lập một DA, đồng thời xác định phạm vi cần đạt. Nhà quản trị dự án sẽ lựa chọn cơ cấu tổ chức DA phù hợp, xây dựng được kế hoạch tiến độ nhằm quản lý thời gian DA. Người học biết cách lập kế hoạch ngân sách trong quản lý chi phí DA và lập các kế hoạch khác: nguồn nhân lực, truyền thông, mua ngoài.. Học phần cung cấp các thủ tục tiên hành triển khai DA, đây là giai đoạn quan trọng trong chu kỳ sống DA. Cuối cùng, sinh viên sẽ vận dụng cách thức giải quyết thủ tục để kết thúc DA.

3.44. ECO3027 - ĐỀ ÁN MÔN HỌC KINH TẾ ĐẦU TƯ

Số tín chỉ: 2 tín chỉ.

Học phần điều kiện học trước: ECO3015 – Kinh tế đầu tư

Học phần giúp cho sinh viên hệ thống hóa và phát triển những kiến thức đã được học trong chuyên ngành Kinh tế Đầu tư, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thu thập tài liệu, đọc hiểu, tổng hợp và phân tích, đánh giá một chủ đề cụ thể thuộc về Kinh tế Đầu tư cũng như cách trình bày một báo cáo đảm bảo tính logic và khoa học.

3.45. ECO3008 - KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức để có thể tham gia vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cho địa phương. Học phần đề cập các chủ đề chủ yếu sau đây (i) Bản chất, các chức năng và nguyên tắc của hệ thống kế hoạch trong nền kinh tế thị trường; (ii) quy trình chung cùng với các công cụ hỗ trợ công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; (iii) Cách thức xây dựng bản kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; (iv) Cách thức tổ chức và theo dõi đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.

3.46. ECO3020 - KINH TẾ VÙNG

Số tín chỉ: 3 tín chỉ.

Học phần điều kiện học trước: ECO2002 – Kinh tế phát triển

Học phần trang bị những kiến thức để cho sinh viên hiểu được những vấn đề kinh tế cần giải quyết trong một vùng nhằm thúc đẩy sự phát triển của vùng đó. Trong đó học phần sử dụng các lý thuyết và công cụ phân tích kinh tế để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về vùng như định hướng không gian của doanh nghiệp và các ngành, sự phân công lao động theo lãnh thổ, tăng trưởng kinh tế vùng và năng lực cạnh tranh của vùng, quy hoạch xây dựng vùng và các chính sách liên quan đến kinh tế vùng.

3.47. ECO3021 - DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần dân số và phát triển kinh tế là một môn khoa học xã hội với hai nội dung cơ bản: Thứ nhất là những kiến thức cơ bản về dân số học với việc nghiên cứu các động thái của quá trình dân số do tác động của sự kiện sinh, chết và di dân; thứ hai là mối quan hệ giữa dân số và phát triển nghiên cứu các mối quan hệ giữa dân số và phát triển. Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về dân số và phát triển, giúp sinh viên hiểu và nắm được bản chất và nguyên lý cơ bản của quá trình vận động dân số trong quá trình phát triển. Sinh viên cũng tìm hiểu vấn đề giữa quá trình dân số và phát triển thông qua phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề thực tiễn một cách khoa học.

3.48. ECO3007 - CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Số tín chỉ: 3 tín chỉ.

Học phần điều kiện học trước: ECO3001 - Kinh tế vĩ mô nâng cao

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sản phẩm công tác hoạch định của Nhà nước trong từng thời kỳ: Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, Quy hoạch phát triển kinh-xã hội, Chương trình và dự án phát triển kinh tế-xã hội. Sinh viên được giới thiệu một số vấn đề cơ bản về chương trình và dự án phát triển kinh tế-xã hội gồm: Tổng quan về chương trình và dự án phát triển kinh tế- xã hội; Chương trình phát triển kinh tế-xã hội; Dự án và Chu kỳ dự án phát triển kinh tế- xã hội; Tính khả thi của dự án phát triển kinh tế-xã hội; Tổ chức thực hiện dự án phát triển kinh tế- xã hội; tài trợ cho chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội; đánh giá, giám sát trước và sau khi thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội.

3.49. ECO3022 - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần Phát triển nông thôn được thiết kế với mục tiêu cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về nông thôn và phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn, các ngành kinh tế cơ bản của nông thôn (nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, thương mại dịch vụ nông thôn), làm rõ bản chất, vai trò của mỗi ngành, sự phát triển chủ yếu của chúng; vai trò của nhà nước trong sự phát triển những ngành kinh tế ở nông thôn... các vấn đề về phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, những vấn đề xã hội ở nông thôn... học

phần giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc phát triển nông thôn trong tiến trình phát triển của quốc gia. Từ đó có thể vận dụng kiến thức để nghiên cứu phát triển nông thôn trong thực tiễn một cách khoa học.

3.50. FIN 3006 - QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần quản trị tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc đánh giá và ra quyết định tài chính trong doanh nghiệp. Để phục vụ cho nhà quản trị tài chính hướng đến mục tiêu tối đa hóa giá trị cổ đông, học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản như: phân tích báo cáo tài chính, hoạch định tài chính, quản trị vốn luân chuyển, ngân sách đầu tư, chi phí vốn. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp những công cụ và kiến thức nền tảng để giúp cho sinh viên có thể tham gia vào khóa học tài chính chuyên sâu khác.

3.51. BAN3020 - TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: ECO1001 – Kinh tế vĩ mô

Học phần này sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản như sau: Giới thiệu về hệ thống tài chính; Mối quan hệ giữa tài chính và phát triển kinh tế; Khủng hoảng tài chính: lý thuyết về khủng hoảng tài chính, mối quan hệ giữa khủng hoảng tài chính và khủng hoảng kinh tế; vai trò của chính phủ và các bài học lịch sử về khủng hoảng tài chính; Sự can thiệp của nhà nước vào hệ thống tài chính nhằm xây dựng được hệ thống tài chính vận hành hiệu quả, thông qua nghiên cứu các khía cạnh như: Quá trình chuyển biến giữa các hình thức của hệ thống tài chính như áp chế tài chính và tự do hóa tài chính; sự can thiệp vào các thành tố của hệ thống tài chính; các bài học lịch sử về thất bại/thành công của can thiệp nhà nước vào hệ thống tài chính; Các vấn đề tài chính phát triển quốc tế: tự do hóa và toàn cầu hóa tài chính; chu chuyển vốn quốc tế; các vấn đề liên quan đến quy tắc quản lý và giám sát của các tổ chức quốc tế.

3.52. RMD3001 - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phương pháp NCKH trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế nghiên cứu, chọn mẫu,

sử dụng công cụ thống kê và trình bày kết quả thống kê. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

❖ **Chuyên ngành Kinh tế quốc tế:**

3.33. ECO3029 - KINH TẾ SỐ (DIGITAL ECONOMICS)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần kinh tế số cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các mô hình lý thuyết, một số cách đo lường về kinh tế số và những ảnh hưởng của kinh tế số đến các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Đồng thời, học phần giúp người học tìm hiểu kinh nghiệm phát triển kinh tế số và ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) của Việt Nam và các nước khác thế giới. Học phần giúp sinh viên đánh giá được tác động trực tiếp và gián tiếp của ngành kinh tế số tới tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam và tìm hiểu về các giải pháp nâng cao hiệu quả của nền kinh tế số.

3.34. ECO3037 - KINH TẾ KHU VỰC (REGIONAL ECONOMY)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần Kinh tế khu vực cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các nước Đông Nam Á (Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, các giai đoạn phát triển (lịch sử chính, diễn biến chính trị, chính sách đối ngoại của từng quốc gia, mô hình và chính sách phát triển kinh tế - xã hội)... Học phần cũng tìm hiểu các mô hình phát triển kinh tế các nước Đông Nam Á với mô hình phát triển kinh tế các nước Đông Bắc Á và một số nền kinh tế khác trên thế giới; triển vọng quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước ASEAN và tổng quan về cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC).

3.35. COM3001 - THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (ELECTRONIC COMMERCE)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, lợi ích và các điều kiện ứng dụng thương mại điện tử trong nền kinh tế. Học phần này cung cấp những kiến thức về các mô hình và ứng dụng thương mại điện tử; các nền tảng thương mại điện tử hiện đại, các công cụ tác nghiệp hỗ trợ thương mại điện tử; cách thức hoạch định chiến lược thương mại điện tử và xây dựng dự án thương mại điện tử cho doanh nghiệp. Học phần này lấy người học làm trung tâm với các hoạt động thực hành trên lớp và các bài tập nhóm liên quan đến kiến thức của học phần.

3.36. IBS3007 - QUẢN TRỊ ĐA VĂN HÓA (CROSS - CULTURAL MANAGEMENT)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Quản trị học

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết về văn hóa, các khía cạnh giúp nhận dạng, so sánh văn hóa, văn hóa tổ chức; nhận diện những sự khác biệt văn hóa và ảnh hưởng đa chiều của nó đến các giải pháp và quyết định của nhà quản trị trong môi trường đa dạng văn hóa xuất phát từ bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Học phần giúp người học nhận ra những thách thức và cơ hội liên quan đến quản trị trong môi trường toàn cầu; xem xét và thảo luận các chủ đề và những tình huống mà nhà quản trị phải đối mặt trên nhiều phương diện như truyền thông, đàm phán và ra quyết định, hành vi tổ chức, quản trị nguồn nhân lực, marketing... trong khung cảnh đa dạng văn hóa.

3.37. MGT3002 - QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG (SUPPLY CHAIN MANAGEMNT)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế quốc tế

Học phần này trang bị cho người học những khái niệm căn bản về chuỗi cung ứng, mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng, các thành phần trong chuỗi cung ứng và nội dung của quản trị chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp các kiến thức liên quan tới việc nhận diện vai trò của chức năng quản trị chuỗi cung ứng trong một tổ chức, nhận diện các nhiệm vụ và quyết định mà một nhà quản trị chuỗi cung ứng phải thực hiện, cung cấp các công cụ để thiết kế mạng lưới chuỗi cung ứng, hoạch định cung cầu trên chuỗi, cũng như thảo luận các nội dung cơ bản liên quan đến hợp tác trong chuỗi cung ứng..

3.38. ECO3030 - HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL ECONOMIC INTEGRATION)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Môn học này được thiết kế với mục tiêu cung cấp cho những người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống và chuyên sâu về hội nhập kinh tế quốc tế, giúp sinh viên có thể phân tích, nhận dạng, đánh giá các tác động và dự báo những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế đến các doanh nghiệp cũng như nền kinh tế Việt Nam. Nội dung học phần đi sâu vào những khái niệm, các lý thuyết hội nhập kinh tế quốc tế, sự hình thành các khu vực kinh tế trên thế giới và quá trình hội nhập của

Việt Nam với kinh tế thế giới thông qua các tổ chức thương mại và hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia.

3.39. ECO3031 - KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO (ADVANCED INTERNATIONAL ECONOMICS)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế quốc tế

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế, liên kết kinh tế quốc tế, tác động của các chính sách thương mại quốc tế đến nền kinh tế của các quốc gia và nền kinh tế toàn cầu. Học phần đề cập các vấn đề chủ yếu sau đây: 1) Trình bày tầm quan trọng và lợi ích của kinh tế quốc tế đối với các quốc gia; 2) Phân tích tác động của các công cụ chính sách trong thương mại quốc tế đối với các quốc gia; 3) Trình bày những nội dung chuyên sâu hơn về cán cân thanh toán quốc tế và các biện pháp giải quyết tình trạng mất cân bằng cán cân thanh toán; 4) Giải thích ảnh hưởng của thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái đến quan hệ kinh tế quốc tế và các chính sách điều chỉnh tỷ giá hối đoái; 5) Phân tích các chính sách kinh tế vĩ mô điều chỉnh cân bằng kinh tế trong nền kinh tế mở; 6) Vai trò thương mại quốc tế và các chính sách thương mại tại các nước đang phát triển.

3.40. ECO3032 - CHÍNH SÁCH KINH TẾ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL ECONOMIC POLICY)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế quốc tế, Kinh tế quốc tế nâng cao

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những công cụ và cách thức sử dụng các công cụ trong chính sách kinh tế quốc tế của một quốc gia. Môn học còn giúp cho sinh viên có thể phân tích được chính sách kinh tế quốc tế trong việc điều tiết các dòng vận động hàng hoá, tiền tệ, đầu tư... và những tranh cãi trong chính sách kinh tế quốc tế của một nền kinh tế. Bên cạnh đó, môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về thực tiễn, các tình huống, các trường hợp cụ thể của từng chính sách đối với các nền kinh tế khác nhau như các nước phát triển, các nước đang phát triển và Việt Nam, qua đó giúp sinh viên có thể giải thích và đánh giá các vấn đề chính sách kinh tế quốc tế một cách chính xác.

3.41. ECO3033 - Đầu tư quốc tế và phát triển (International Investment and Development)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Đầu tư quốc tế và phát triển nghiên cứu sự dịch chuyển vốn từ quốc gia này sang quốc gia khác để thực hiện các dự án đầu tư nhằm tối đa hóa lợi ích cho các bên tham gia. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về hoạt động đầu tư quốc tế và quá trình thúc đẩy tăng trưởng nhất là đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Bao gồm: những nội dung cơ bản của hoạt động đầu tư nước ngoài, các hình thức đầu tư và hiệp định đầu tư quốc tế; các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư; phân tích chi phí cho từng loại vốn đầu tư nước ngoài; cơ chế tác động của các chính sách tới hoạt động đầu tư nước ngoài ở Việt Nam. Bên cạnh đó học phần giúp sinh viên có thể đánh giá thực trạng đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

3.42. FIN3001 - TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (INTERNATIONAL FINANCE)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần cung cấp kiến thức về tài chính quốc tế ở góc độ vĩ mô và vi mô. Ở góc độ vĩ mô, học phần nghiên cứu mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong lĩnh vực tiền tệ và chính sách vĩ mô giữa các quốc gia, như: tỷ giá hối đoái, lạm phát, lãi suất, cán cân thanh toán quốc tế. Ở góc độ vi mô, học phần tập trung vào tác động của môi trường tài chính quốc tế đến hoạt động của các công ty, về kinh doanh ngoại hối và phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh quốc tế. Kiến thức về đầu tư nước ngoài của công ty đa quốc gia, bao gồm đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp, quản trị vốn luân chuyển quốc tế cũng được trình bày và phân tích trong học phần này. Bên cạnh đó, học phần cung cấp những ví dụ thực tế cụ thể, bài tập ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng tư duy, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý và trong hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp.

3.43. ECO3034 - ĐÀM PHÁN KINH TẾ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL ECONOMIC NEGOTIATION)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần Đàm phán kinh tế quốc tế được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nội dung và quá trình đàm phán kinh tế quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm và nguyên lý cơ bản về đàm phán, các công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện việc đàm phán, bao gồm các kỹ thuật quan trọng để thực hiện và kết thúc đàm phán. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được tìm hiểu về tầm quan trọng và ảnh hưởng của sự khác

biệt về văn hóa tới quá trình đàm phán, những cơ sở pháp lý của việc đàm phán, để từ đó có thể phân tích được các tình huống thực tiễn cũng như cách thức tổ chức đàm phán các hiệp định quốc tế mà Việt Nam tham gia.

3.44. LAW3059 - LUẬT KINH TẾ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL ECONOMIC LAW)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Môn học Luật Kinh tế Quốc tế cung cấp các khái niệm, nguyên tắc và quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế. Môn học cũng giới thiệu đến sinh viên các quy định pháp lý cụ thể trong lĩnh vực thương mại, đầu tư, tài chính, sở hữu trí tuệ và cơ chế giải quyết các tranh chấp diễn ra trong lĩnh vực kinh tế quốc tế..

3.45. ECO3036 - QUẢN LÝ NỢ NƯỚC NGOÀI (SOVEREIGN DEBT)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần quản lý nợ nước ngoài phân loại và giới thiệu các hình thái nợ nước ngoài của các quốc gia. Trong cách tiếp cận nguồn vốn của các quốc gia, học phần giới thiệu về các hợp đồng vay nợ song phương, đa phương và phát hành trái phiếu. Trong việc giới thiệu các hình thái nợ nước ngoài của các quốc gia, học phần cũng phân tích rõ cấu trúc nợ nước ngoài và tổng quan về thực tế tình trạng nợ nước ngoài tại các quốc gia. Bên cạnh việc phân loại các hình thái nợ nước ngoài, học phần còn phân tích cách thức mà các quốc gia và tổ chức giải quyết các vấn đề trong nợ nước ngoài như tranh chấp hay giải quyết tình trạng vỡ nợ tại một số quốc gia.

3.46. ECO3038 - CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ CÔNG TY ĐA QUỐC GIA (THE NATIONAL POLICIES OF REGULATING MULTINATIONAL CORPORATIONS)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến các chính sách quản lý của chính phủ nước sở tại đối với các công ty đa quốc gia. Học phần đề cập các vấn đề chủ yếu sau đây: 1) Trình bày khái niệm, đặc điểm, bản chất và các động cơ thúc đẩy sản xuất nước ngoài của công ty đa quốc gia; 2) Tác động của công ty đa quốc gia đến các khía cạnh khác nhau của nền kinh tế quốc gia và toàn cầu; 3) Lý thuyết giải thích động cơ đầu tư quốc tế của công ty đa quốc gia và vận dụng các lý

thuyết đó; 4) Phân tích nguyên nhân những xung đột, tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ nước sở tại và cơ chế giải quyết xung đột đó; 5) Chính sách quản lý liên quan đến điều chỉnh thể chế, các chính sách kinh tế vĩ mô và tổ chức mà nước sở tại và chính phủ nước sở tại áp dụng đối với hoạt động của các công ty đa quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa; 6) Phân tích chính sách quản lý công ty đa quốc gia tại Việt Nam.

3.47. ECO3035 - KINH TẾ NGUỒN NHÂN LỰC (HUMAN RESOURCE ECONOMICS)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực, vận dụng các kiến thức của môn học để phân tích và đánh giá nguồn nhân lực nhằm giúp người học xây dựng các chính sách liên quan. Học phần đề cập các vấn đề cụ thể sau đây: (i) Nghiên cứu cung lao động trong việc xem xét cách thức phân bổ thời gian làm việc của người lao động trong các giai đoạn của cuộc sống; (ii) Nghiên cứu cầu lao động trong việc xem xét quyết định thuê lao động ngắn hạn và dài hạn; (iii) Cách thức thị trường “cân bằng” những mâu thuẫn về quyền lợi trong việc kết hợp các quyết định cung ứng của người lao động với các quyết định cầu của người sử dụng lao động; (iv) Mở rộng và khái quát hóa kiến thức cung cầu lao động cơ bản này nhằm giải thích việc đầu tư vào nguồn vốn nhân lực sẽ xác định sự phân phối tiền lương của nền kinh tế, và sự di chuyển lao động trong nội tại một quốc gia và thế giới.

3.48. IBS2001 - KINH DOANH QUỐC TẾ (INTERNATIONAL BUSINESS)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Kinh tế vi mô

Các nhà quản lý và doanh nghiệp khi kinh doanh quốc tế sẽ đối mặt với sự khác biệt về kinh tế chính trị và văn hóa. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh quốc tế sẽ đối mặt với chính sách phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài của nước sở tại trong thương mại và đầu tư. Môn học này sẽ cung cấp cho người học kiến thức về sự khác biệt giữa các quốc gia, động cơ và nội dung của các chính sách thương mại và đầu tư quốc tế và cách thức mà các doanh nghiệp giải quyết các cơ hội và thách thức này.

3.49. BAN3006 - THANH TOÁN QUỐC TẾ (INTERNATIONAL PAYMENTS)

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần Thanh Toán Quốc Tế được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại bao gồm: các đặc điểm, điều kiện thanh toán quốc tế, tỷ giá, các chứng từ thương mại, các phương tiện, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ thương mại của ngân hàng. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng và thực hiện được các nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong thực tế. Từ đó, đánh giá được tình hình hoạt động thanh toán quốc tế của ngân hàng và đề xuất được các giải pháp để hạn chế rủi ro trong hoạt động thanh toán quốc tế.

3.50. IBS3002 - LOGISTICS VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (LOGISTICS AND INTERNATIONAL TRADE)**Số tín chỉ: 3 tín chỉ****Học phần điều kiện học trước: Không**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động logistics quốc tế trong sản xuất và thương mại. Cụ thể, học phần tập trung vào một số vấn đề cơ bản như sau: (1) phân tích các hoạt động cơ bản của logistics, tiến trình quản trị các hoạt động logistics trong bối cảnh thương mại quốc tế; (2) nghiên cứu các vấn đề về an ninh và môi trường logistics quốc tế; (3) tìm hiểu sự gia tăng của logistics trong thương mại quốc tế; (4) thảo luận những cơ hội cũng như rủi ro có thể phát sinh đối với các hoạt động logistics trên thị trường toàn cầu.

3.51. LAW3001 - LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (INTERNATIONAL TRADE LAW)**Số tín chỉ: 3 tín chỉ****Học phần điều kiện học trước: Không**

Thương mại quốc tế dần trở thành một phần không thể thiếu trong hoạt động phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Nhằm đảm bảo các hoạt động thương mại diễn ra một cách công bằng, an toàn và hợp lý, bộ nguyên tắc quy định về các cách thức trao đổi thương mại ra đời, được gọi chung là luật thương mại quốc tế.

Học phần Luật thương mại quốc tế cung cấp cho sinh viên các nội dung cơ bản của các quan hệ thương mại có yếu tố nước ngoài như: Khái niệm và nguồn của luật thương mại quốc tế; Công ước quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; Các tập quán quốc tế về vận tải, giao nhận hàng hóa, thanh toán và bảo hiểm quốc tế; Quan hệ thương mại khu vực ASEAN và WTO. Học phần cung cấp cho sinh viên cơ sở pháp lý, cũng như các giải pháp pháp lý để giải quyết các tranh chấp thương mại phát sinh giữa các thương nhân có quốc tịch khác nhau.

3.52. RMD3001 - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (RESEARCH METHODOLOGY)

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần điều kiện học trước: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phương pháp NCKH trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế nghiên cứu, chọn mẫu, sử dụng công cụ thống kê và trình bày kết quả thống kê. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

3.53. ECO4001 - Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Học phần thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên có những trải nghiệm về công việc chuyên môn trong môi trường thực tế của một tổ chức. Ngoài mục đích giúp cho sinh viên tích lũy được kinh nghiệm chuyên môn, học phần này cũng tạo điều kiện cho sinh viên được phát triển kỹ năng nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp. Sinh viên có trách nhiệm thực hiện đúng kế hoạch và yêu cầu của kỳ thực tập, được giám sát trong việc thiết lập và thực hiện kế hoạch thực tập bởi một giảng viên hướng dẫn của Khoa Kinh tế và một người hướng dẫn ở đơn vị thực tập.

3.55. ECO4002 - Khóa luận tốt nghiệp

Học phần khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên có những trải nghiệm về công việc chuyên môn trong môi trường thực tế của một tổ chức. Ngoài mục đích giúp cho sinh viên tích lũy được kinh nghiệm chuyên môn, học phần này cũng tạo điều kiện cho sinh viên được phát triển kỹ năng nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp. Học phần này cũng nhằm mục đích phát triển năng lực nghiên cứu của sinh viên. Sinh viên có trách nhiệm thực hiện đúng kế hoạch và yêu cầu của kỳ thực, được giám sát trong việc thiết lập và thực hiện kế hoạch thực tập bởi một giảng viên hướng dẫn của Khoa Kinh tế và một người hướng dẫn ở đơn vị thực tập.